**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY LỚP 5C - TUẦN 7**

**Từ ngày 14 đến ngày 18/10**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **tiết** | **Môn** | **Tên bài** | **điều chỉnh** |
| **Hai** | **sáng** | 1 | Chào cờ | Sinh hoạt dưới cờ: Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 |  |
| 2 | Toán 1 | Làm tròn số thập phân (tiết 1) | BT 1,2 |
| 3 | Tiếng Việt 1 | Chia sẻ và bài đọc 1 *Sự tích dưa hấu* | Chia sẻ  Đọc thành tiếng |
| 4 | Tiếng Việt 2 | Phần còn lại.  Tự đọc sách báo (HS làm ở nhà) |
| **C** | 3 | LS-ĐL 1 | Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc (T1) | HĐ 1  GDQPAN: Giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Niềm tự hào tự tôn dân tộc, lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. |
| **Ba** | **sáng** | 1 | Toán 2 | Làm tròn số thập phân (tiết 2) | BT 3,4 |
| 2 | Tiếng Việt 3 | Bài viết 1: Luyện tập tả người (Tả ngoại hình) |  |
| 3 | Toán tăng\* | Ôn tập về số thập phân |  |
| 4 | Khoa học 1 | Năng lượng và năng lượng chất đốt (Tiết 1) | HĐ 1 |
| **Chiều** | 1 | Tiếng Việt 4 | Nói và nghe: Trao đổi: *Gian nan thử sức* |  |
| 2 | T.Việt tăng\* | Luyện tập về dấu gạch ngang, mở rộng vốn từ Học hành. |  |
| 3 | Toán tăng\* | Ôn tập về số thập phân ( tiếp theo). |  |
| **Tư** | **sáng** | 1 | Toán 3 | Ôn tập về các đơn vị đo diện tích đã học |  |
| 2 | Tiếng Việt 5 | Bài đọc 2: *“Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi* | QCN: Quyền được học tập và giáo dục. Bổn phận xây dựng và phát huy tinh thần dân tộc. |
| 3 | Toán tăng\* | Ôn tập về số thập phân ( tiếp theo). |  |
| 4 | LS-ĐL 2 | Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc (T2) | HĐ 2  GDQPAN: Giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Niềm tự hào tự tôn dân tộc, lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. |
| **Năm** | **Sáng** | 3 | Mĩ thuật | GV chuyên | |
| 4 | Mĩ thuật |
| **Chiều** | 1 | Toán 4 | Héc-ta (tiết 1) | BT 1,2,3 |
| 2 | Tiếng Việt 6 | Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa |  |
| 3 | T.Việt tăng\* | Luyện tập văn tả người |  |
| **Sáu** | **Sáng** | 1 | Toán 5 | Héc-ta (tiết 2) | BT 4,5 |
| 2 | Tiếng Việt 7 | Bài viết 2: Luyện tập tả người (Tả hoạt động, tính cách) |  |
| 3 | Khoa học 2 | Năng lượng và năng lượng chất đốt (Tiết 2) | HĐ 2  QCN: Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng và sức khỏe |
| 4 | Sinh hoạt | **HĐTN:** *Chủ đề 2: Hành trình khôn lớn (tháng 10):**Nhật ký kiểm soát cảm xúc của em*  **Sinh hoạt lớp** | Lồng ghép GDĐP CĐ6: Nếp sống văn minh ở quê hương em (Ứng xử văn minh nơi công cộng |

*Ngày .......tháng…. năm 2024*

*Phó hiệu trưởng*

***Nguyễn Thị Hằng***

***NguyễnThịHằng***

**Tuần 7**

**Thứ hai ngày 14 tháng 10 năm 2024**

**Sáng Tiết 1 CHÀO CỜ**

**Sinh hoạt dưới cờ: Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng đặc thù:***

* *Năng lực thích ứng với cuộc sống:* nhận diện được cảm xúc của bản thân.
* *Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:* thực hiện nhận diện khả năng cảm xúc của bản thân và tự đánh giá.

**3. Phẩm chất**

* *Trách nhiệm:* có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong hoạt động nối tiếp và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

HS chuẩn bị các tiết mục văn nghệ theo nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **-** GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở, chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ.  **2. SINH HOẠT DƯỚI CỜ (15 phút)**  ***2.1. Thực hiện nghi lễ chào cờ***  - GV nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ.  ***2.2. Tổng kết công tác tuần, triển khai công tác tuần 7***  - GV trực ban nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS trong tuần 6.  - GV TPT triển khai hoạt động tuần 7.  + Tiếp tục duy trì sĩ số.  + Thực hiện nghiêm túc việc để xe đạp đúng nơi qui định*. (Mỗi học sinh đi xe đạp phải ghi đầy đủ tên – lớp sau yên xe ).* GVCN GVCN nhắc nhở HS đi xe ở lớp mình thực hiện.  + Duy trì tốt việc mặc đồng phục theo những ngày qui định.  + Tích cực tập luyện 6 động tác thể dục giữa giờ và múa hát tập thế *“ Bay cao tiếng hát ước mơ”.*  - Tổ chức thành lập và bồi dưỡng đội tuyển Bóng đá và Cờ Vua.  - Nâng cao chất lượng mô hình *“ Đôi bạn cùng tiến”*  + Tiếp tục thực hiện phong trào: ***“ Tiếng trống sạch trường, trường em xanh – sạch – đẹp”.***  **3. TRẢI NGHIỆM (20 phút)**  *- HS tham gia HĐTN tại lớp*  - tổ chức cho HS biểu diễn các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc về các tiết mục văn nghệ theo các câu hỏi gợi ý sau:  *+ Em ấn tượng với tiết mục văn nghệ nào nhất?*  *+ Hãy chia sẻ cụ thể những điều em thích ở tiết mục đó.*  - GV tổ chức trò chuyện về lịch sử và ý nghĩa ngày Phụ nữ Việt Nam. | - HS chào cờ.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ.  - HS tham gia trò chuyện. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 2 TOÁN**

**Làm tròn số thập phân (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (5 phút)** | |
| - GV cho HS lấy VD về số có 7 chữ số, yêu cầu HS làm tròn số đó đến hàng chục nghìn.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, tìm hiểu câu hỏi: “Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị ta thu được số nào?”  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS lấy VD và thực hiện theo yêu cầu ra bảng con.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS hiểu được cách làm tròn số thập phân.  **b) Cách thực hiện:** | |
| \* Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 6,2; 6,5 và 6,7 khi làm tròn đến hàng đơn vị.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  \* Làm tròn số thập phân đến hàng phần mười  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 3,63; 3,65 và 3,68 khi làm tròn đến hàng phần mười.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  \* Làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm  - GV yêu cầu HS quan sát tia số, nêu nhận xét về vị trí của số 3,172; 3,175 và 3,176 khi làm tròn đến hàng phần trăm.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  - GV yêu cầu HS lấy VD số thập phân có 3 chữ số ở phần thập phân rồi làm tròn đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm. | - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 6,2 gần với số 6, nên khi làm tròn số 6,2 đến hàng đơn vị, ta được số 6.  Tương tự với các số 6,1; 6,3; 6,4 khi làm tròn đến hàng đơn vị ta được số 6.  + Trên tia số, số 6,7 gần với số 7, nên khi làm tròn số 6,7 đến hàng đơn vị, ta được số 7.  Tương tự với các số 6,6; 6,8; 6,9 khi làm tròn đến hàng đơn vị ta được số 7.  + Số 6,5 cách đều 2 số 6 và 7; nên theo quy tắc đã học thì 6,5 được làm tròn lên số 7  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 3,63 gần với số 3,6 nên khi làm tròn số 3,63 đến hàng phần mười, ta được số 3,6.  Tương tự với các số 3,61; 3,62; 3,64 khi làm tròn đến hàng phần mười, ta được số 3,6.  + Trên tia số, số 3,68 gần với số 3,7 nên khi làm tròn số 3,68 đến hàng phần mười, ta được số 3,7.  Tương tự với các số 3,66; 3,67; 3,69 khi làm tròn đến hàng phần mười, ta được số 3,7.  + Số 3,65 cách đều 2 số 3,6 và 3,7; nên theo quy tắc đã học thì 3,65 được làm tròn lên số 3,7.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tia số, nêu nhận xét:  + Trên tia số, số 3,172 gần với số 3,17 nên khi làm tròn số 3,172 đến hàng phần trăm, ta được số 3,17.  Tương tự với các số 3,171; 3,173; 3,174 khi làm tròn đến hàng phần trăm, ta được số 3,17.  + Trên tia số, số 3,176 gần với số 3,18; nên khi làm tròn số 3,176 đến hàng phần trăm, ta được số 3,18.  Tương tự với các số 3,177; 3,178; 3,179 khi làm tròn đến hàng phần trăm, ta được số 3,18.  + Số 3,175 cách đều 2 số 3,17 và 3,18; nên theo quy tắc đã học thì 3,175 được làm tròn lên số 3,18.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS lấy VD rồi chia sẻ trước lớp. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (15 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  \* Củng cố, dặn dò (3 phút)  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  8,3 làm tròn đến hàng đơn vị được 8  12,52 làm tròn đến hàng đơn vị được 13  36,738 làm tròn đến hàng đơn vị được 37  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  9,25 làm tròn đến hàng phần mười ta được 9,3  12,34 làm tròn đến hàng phần mười ta được 12,3  23,296 làm tròn đến hàng phần mười ta được 23,3  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 3+4 TIẾNG VIỆT 1**

**Chia sẻ và bài đọc 1 *Sự tích dưa hấu***

**1. Trò chơi: *Đuổi hình bắt chữ***

###### *1.1. Tìm từ ngữ thích hợp thay cho hình gợi ý để hoàn chỉnh các câu tục ngữ*

- Mời 1 – 2 HS đọc Câu hỏi 1 của phần *Chia sẻ*.

***\**** *Tổ chức cho HS chơi trò chơi* ***Đuổi hình bắt chữ***

- GV nêu luật chơi (kết hợp chỉ câu 1): Có 2 câu tục ngữ a, b. Trong 2 câu tục ngữ đó có 3 hình ảnh tương ứng với 3 từ khoá. Nhiệm vụ của các em là thay các hình ảnh đó bằng từ thích hợp để hoàn chỉnh 2 câu tục ngữ trên cả về nội dung và cấu tạo.

- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trong 2 phút, tìm từ thay cho hình.

- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả (có thể tổ chức trò chơi hỏi đáp / “Ai nhanh, ai đúng” / ...); các HS khác nêu ý kiến.

- GV hỏi: Vì sao nhóm em lại chọn từ “vàng” thay cho hình ảnh này? (Hỏi tương tự với 2 hình còn lại) – HS nêu ý kiến.

- GV có thể giải thích về các hình vẽ, nếu cần: Đó là hình thỏi vàng (vàng là kim loại chịu nhiệt cao, không bị chảy trong ngọn lửa thông thường; người ta thường dùng lửa để kiểm tra vàng thật hay vàng giả), cánh tay (thể hiện sức lực), mái chèo (người vững tay chèo mới đưa được con thuyền ra khỏi chỗ có sóng lớn).

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

- GV chiếu 2 câu tục ngữ đã hoàn chỉnh (nếu có điều kiện) hoặc gắn bảng phụ có viết sẵn 2 câu tục ngữ đã hoàn chỉnh. - Mời HS đọc lại.

##### Đáp án:

*a) Lửa thử* ***vàng****, gian nan thử* ***sức****.*

*b) Chớ thấy sóng**cả mà ngã tay* ***chèo****.*

###### *1.2. Trao đổi: Hai câu tục ngữ trên khuyên ta điều gì?*

- Mời 1 HS đọc Câu hỏi 2 trong phần *Chia sẻ*.

- Yêu cầu HS trao đổi trong nhóm đôi, trả lời CH 2.

Nếu HS lúng túng, GV có thể gợi ý để HS tìm nội dung phù hợp với mỗi câu tục ngữ mới hoàn thành. VD: GV cho 4 nội dung gợi ý sau đây để HS chọn 2 nội dung phù hợp với 2 câu tục ngữ: (1) *Không nên cho vàng vào lửa vì làm như vậy sẽ khiến vàng bị chảy*; (2) *Chớ nản lòng khi gặp khó khăn vì khó khăn tôi luyện con người*; (3) *Đừng thấy khó khăn mà bỏ mục tiêu đã chọn*; (4) *Không nên chèo thuyền ở nơi có sóng lớn*.

- Gọi đại diện một số nhóm HS nêu ý kiến; các HS khác bổ sung.

- GV nhận xét, nêu câu trả lời đúng:

a) Câu tục ngữ *Lửa thử vàng, gian nan thử sức* khuyên ta chớ nản lòng khi gặp khó khăn.

b) Câu tục ngữ *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo* khuyên ta quyết tâm theo đuổi mục tiêu đã chọn.

##### 2. Giáo viên giới thiệu chủ điểm và Bài đọc 1

Qua trò chơi *Đuổi hình bắt chữ*, các em đã hoàn chỉnh được hai câu tục ngữ nói về ý chí, nghị lực. Những câu tục ngữ đó khuyên chúng ta kiên trì vượt qua thử thách, không nản lòng khi gặp khó khăn. Bài học 4 ***Có chí thì nên***sẽ giúp các em hiểu kĩ hơn về ý chí và nghị lực. Trước hết, hôm nay, cô (thầy) và các em sẽ đọc bài *Sự tích dưa hấu*, một câu chuyện rất thú vị và có ý nghĩa rất sâu sắc. Chúng ta cùng đọc để biết câu chuyện đó hay và có ý nghĩa như thế nào nhé!

**BÀI ĐỌC 1**

**SỰ TÍCH DƯA HẤU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

##### 1. Phát triển các năng lực đặc thù

##### *1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ*

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 4.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: *Thông qua sự tích dưa hấu, bài đọc đề cao tinh thần tự lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thành công.*

###### *1.2. Phát triển năng lực văn học*

Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; bày tỏ được sự yêu thích đối với những chi tiết, hình ảnh ấy.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

**2.1. Phát triển các năng lực chung**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Chủ động trao đổi, thảo luận với bạn để tìm hiểu nghĩa các từ khó, từ ít dùng; biết cùng các bạn thảo luận nhóm; trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong bài.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Chủ động tìm hiểu bài đọc để trả lời đúng các CH đọc hiểu

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Chủ động tìm hiểu bài đọc để nói đúng các phẩm chất của vợ chồng Mai An Tiêm, nêu đúng ý nghĩa bài đọc để con người học tập theo.

**2.1. Phát triển các phẩm chất**

- *Phẩm chất chăm chỉ:* Thể hiện ở tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, cố gắng học tập và lao động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5* (tập một); vở ô li hoặc vở bài tập Tiếng Việt 5

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **- GV đưa quả dưa hấu thật cho HS quan sát và hỏi: Đây là quả gì?**  **- GV giới thiệu bài:** *Hẳn là các em đã nhiều lần được ăn những miếng dưa hấu đỏ tươi, mát lành và ngọt lịm. Các em có biết ai là người tìm ra giống dưa quý đó không? Hôm nay, các em cùng đọc bài Sự tích dưa hấu để có câu trả lời. Ngoài việc giải thích về nguồn gốc của trái dưa hấu, câu chuyện còn cho chúng ta biết một tấm gương về ý chí và nghị lực vượt qua khó khăn. Các em hãy đọc bài để biết đó là ai nhé!* | - HS quan sát, trả lời: Quả dưa hấu  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài và xem tranh minh hoạ ở SGK/52, 53 |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**  - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài  - Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc | |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **\*Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương, ví dụ: nhún nhường, chịu thương chịu khó, hoang vu, trời luôn có mắt…    - GV tổ chức cho HS chia đoạn và đọc nối tiếp các đoạn theo nhóm.  Bài đọc gồm 4 đoạn: + Đoạn 1: từ đầu đến *... ra một đảo xa*. ; + Đoạn 2: từ *Hôm đặt chân lên bãi cát...* đến *... làm thức ăn*. ; + Đoạn 3: từ *Một hôm, có chiếc thuyền đánh cá*... đến ... *đầy đủ như xưa*. ; + Đoạn 4: Phần còn lại.  - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm 4.  + GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 4 em đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy, giọng đọc phù hợp với nhân vật.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi sai khi đọc: tin dùng, nhún nhường, đày, tiếng đồn, dò xét, …  - GV gọi 1 HS đọc toàn bài  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi    - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi Phỏng vấn.  - GV cho HS thực hiện trò chơi *Phỏng vấn*  + Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia.  + Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời, sau đó đổi vai.  *1. Vì sao Vua Hùng tin dùng và gả con gái nuôi cho Mai An Tiêm?*  *2. Vì sao gia đình Mai An Tiêm bị nhà vua đày ra đảo xa?*  *3. Theo em, phẩm chất nào đã giúp vợ chồng Mai An Tiêm vượt qua khó khăn?*  *4. Em thích câu nói nào của Mai An Tiêm? Vì sao?*  *5.* *Chi tiết nhà vua khen thầm và cho triệu gia đình Mai An Tiêm trở về nói lên điều gì?*    - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. GV chốt lại 5 câu hỏi trên.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua việc trả lời các câu hỏi trên, em hãy cho biết bài đọc muốn nói với các em điều gì?  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài đọc | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó:  + *Nhún nhường:* khiêm tốn trong quan hệ giao tiếp.  *+ Chịu thương chịu khó*: chăm chỉ, cố gắng lao động, không ngại khó khăn, vất vả.  *+ Hoang vu*: (vùng đất) bỏ không, cây cỏ mọc tự nhiên, chưa hề có tác động của con người.  *+ Trời luôn có mắt*: ý nói cuộc đời rất công bằng, người tốt nhất định không phải chịu thiệt thòi, kẻ xấu không thể mãi đắc ý.  - HS cùng GV chia đoạn.  - HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.  - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của GV. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc; Thực hành luyện đọc từ khó.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đọc thầm.  - HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  *1. Vì sao Vua Hùng tin dùng và gả con gái nuôi cho Mai An Tiêm?*  *2. Vì sao gia đình Mai An Tiêm bị nhà vua đày ra đảo xa?*  *3. Theo em, phẩm chất nào đã giúp vợ chồng Mai An Tiêm vượt qua khó khăn?*  *4. Em thích câu nói nào của Mai An Tiêm? Vì sao?*  *5.* *Chi tiết nhà vua khen thầm và cho triệu gia đình Mai An Tiêm trở về nói lên điều gì?*  - HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - HS thực hiện trò chơi *Phỏng vấn*  + Vì Mai An Tiêm rất tài giỏi.  + Vì Mai An Tiêm nói rằng những điều mình có được là nhờ chịu thương chịu khó; có kẻ ghen ghét, tâu với Vua Hùng, khiến Vua nghĩ rằng Mai An Tiêm vô ơn.  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Đó là phẩm chất chăm chỉ / quyết tâm / không chịu đầu hàng khó khăn / thông minh, sáng tạo /* ...  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD:  *Em thích câu nói “Tất cả cũng là nhờ chịu thương chịu khó thôi.”. Vì câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất chăm chỉ / tự tin vào những nỗ lực của mình. / Vì câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất khiêm tốn. / ...*  *Em thích hai câu “Trời luôn có mắt. Nàng đừng lo!”. Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất tự tin / rất quyết tâm / rất dũng cảm / rất mạnh mẽ. / Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm là người rất bình tĩnh / không bao giờ lùi bước trước khó khăn. / Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất tin vào lẽ công bằng. / …*  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Ý chí, nghị lực có thể giúp con người vượt qua mọi khó khăn. / Ý chí, nghị lực có thể giúp con người thành công. / Ý chí, nghị lực của một người có thể khiến người khác chuyển từ tức giận thành yêu thương. / ...*  - HS lắng nghe  - 2-3 HS trả lời:*Thông qua sự tích dưa hấu, bài đọc đề cao tinh thần tự lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thành công.*  - HS nhắc lại |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:**  - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp. | |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm một phần của đoạn 3 với giọng đọc phù hợp với nhân vật; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.    - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm phần đoạn 3 đã luyện.  - GV nhận xét HS. | *-* 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  ***+*** *Hôm đặt chân lên bãi cát hoang vu, / vợ chàng lo lắng bảo: //*  *- Chúng ta* ***chết ở đây*** *mất thôi. //*  *- Trời* ***luôn có mắt****. // Nàng đừng lo! // – An Tiêm an ủi vợ.*  ***+*** *Ít lâu sau, / hạt nảy mầm, / mọc ra một loại cây bò lan, /* ***xanh um*** *cả bãi cát. // Rồi cây ra quả. // Hoá ra, / đó là một loại dưa ruột đỏ tươi, / hạt đen nhánh, / vị* ***ngọt và thanh mát****. // Từ hôm đó, / hai vợ chồng cố trồng thêm* ***thật nhiều*** *dưa làm thức ăn.*  - HS thi đọc  - HS nhận xét |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | |
| - GV nêu câu hỏi: Em biết được điều gì sau khi học bài đọc Sự tích dưa hấu? Em học tập được điều gì ở những phẩm chất tốt đẹp của vợ chồng Mai An Tiêm?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Dặn dò: GV dặn HS về nhà đọc truyện (hoặc thơ, bài văn, bài báo) theo yêu cầu trong SGK (*Tiếng Việt 5*, tập một, trang 54). HS có thể tìm truyện trong quyển *Truyện đọc lớp 5*. | - Một HS đóng vai phóng viên hỏi, các HS được hỏi trả lời.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Chiều Tiết 3 LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 1**

**Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù

**- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.**

2. Năng lực chung

**- Tự chủ và tự học: sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.**

3. Phẩm chất

**- Yêu nước: Tự hào và biết ơn tổ tiên đã có công dụng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Trách nhiệm trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hoá, truyền thống của tổ tiên.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nước Văn Lang** | **Nước Âu Lạc** |
| Thời gian ra đời |  |  |
| Đứng đầu nhà nước |  |  |
| Kinh đô |  |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu**  **- Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài**  **- Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.**  **b) Cách thực hiện** | |
| - GV chiếu màn hình:  “Dù ai đi ngược về xuôi Nhớ ngày giỗ Tổ mùng 10 tháng 3 Dù ai buôn bán gần xa ​Nhớ ngày giỗ Tổ tháng 3 mùng 10”  + Những câu ca dao trên nhắc đến sự kiện nào được diễn ra hàng năm ở nước ta?  + Theo em, những câu ca dao trên có ý nghĩa dăn dạy chúng ta điều gì?  **- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.** | **- HS trả lời, chia sẻ những điều em về một di tích lịch sử đền Hùng.**  - HS lắng nghe. |

**B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

a) Mục tiêu:

**- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.**

b) Cách thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Sự ra đời của nước Văn Lang**  **- GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS** quan sát và gọi tên câu chuyện truyền thuyết trong bức tranh; nói những điều em biết qua câu chuyện.    **- GV giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm 4: Đọc thông tin về sự ra đời của nước Văn Lang trong SGK trang 25 và trình bày sự ra đời của nước Văn Lang.**  **- GV khuyến khích HS sáng tạo trong cách thức trình bày như tóm tắt thông tin bằng kênh chữ, kết hợp cắt dán, vẽ hình ảnh minh hoạ, trình bày theo sơ đồ tư duy,...**  **- GV nhận xét, biểu dương và chuẩn kiến thức về nước Văn Lang.**  **+ Ra đời cách ngày nay khoảng 2700 năm, kinh đô đặt tại Phong Châu (Phú Thọ ngày nay).**  **+ Đứng đầu nhà nước Văn Lang là vua Hùng.**  **+ Địa bàn ra đời và tồn tại của nước Văn Lang ở lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.**  - CHBS: Theo em, việc ra đời nhà nước Văn Lang có ý nghĩa như thế nào?  - GV kết luận: Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên, kết thúc thời kì nguyên thủy, mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.  - GV giới thiệu cho HS về bộ máy nhà nước Văn Lang. | - HS nêu tên truyện: **truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên.***  *+ Con trai thần Long Nữ, tên Lạc Long Quân kết duyên cùng nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông xinh đẹp.*  *+ Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, từ trăm trứng nở ra một trăm người con khôi ngô tuấn tú.*  *+ Vì Lạc Long Quân không quen sống trên cạn lâu ngày nên hai vợ chồng mỗi người dẫn năm mươi người con lên rừng và xuống biển.*  - 1 HS đọc to nội dung trước lớp, cả lớp đọc thầm SGK.  - Các nhóm làm nhiệm vụ.  **- Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả làm việc nhóm.**  **- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe.  - HS nêu theo ý hiểu.  - HS lắng nghe, quan sát trên màn hình. |

**2. Sự ra đời của nước Âu Lạc**

|  |  |
| --- | --- |
| **- GV hướng dẫn HS tiếp tục đọc thông tin về sự ra đời của nước Âu Lạc trong SGK trang 26 và quan sát hình ảnh để trình bày sự ra đời của nước Âu Lạc theo nhóm 4.**  **- GV quan sát, theo dõi.**  **- GV nhận xét, chiếu hình ảnh, chốt kiến thức về nước Âu Lạc:**  **+ Ra đời vào khoảng năm 208 TCN, sau khi kháng chiến chống quân Tần thắng lợi, Thục Phán lên ngôi vua, lập ra nước Âu Lạc.**  **+ Kinh đô nước Âu Lạc đặt tại Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay).**  - GV giới thiệu về bộ máy nhà nước Âu Lạc | - 1 HS đọc to nội dung trước lớp, cả lớp đọc thầm SGK.  - Các nhóm 4 làm nhiệm vụ.  **- Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả làm việc nhóm.**  **- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe.  - 1HS đọc phần Em có biết? - SGK trang 26.  - Cả lớp lắng nghe.  - HS lắng nghe. 1 HS nhắc lại trên màn hình |
| **C. THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:**  - Vận dụng kiến thức để hoàn thành bảng thống kê các nội dung về nhà nước Văn Lang và Âu Lạc.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV giao nhiệm vụ: Hoàn thành bảng thống kê các nội dung dưới đây về nhà nước Văn Lang và Âu Lạc.    **- Nhận xét, kết luận.** | - HS làm việc nhóm đôi vào phiếu học tập.  - Các nhóm báo cáo kết quả.  **- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe. |
| **D. VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng khi học tập.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm cho thích hợp.    - Nhận xét tiết học. | - HS ghi đáp án vào bảng con.  - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thứ ba ngày 15 tháng 10 năm 2024**

**Sáng Tiết 1 TOÁN**

**Làm tròn số thập phân (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS nhắc lại quy tắc.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (20 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS hiểu được cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS thi đua điền số vào bảng và giải thích vì sao em điền được số đó.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho lấy thêm các VD khác, và làm tròn đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  2,673 làm tròn đến hàng phần trăm được 2,67  13,427 làm tròn đến hàng phần trăm được 13,43  265,865 làm tròn đến hàng phần trăm được 265,87  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS hào hứng tham gia thi đua điền số:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | | Đơn vị | Phần mười | Phần trăm | | 12,653 | 13 | 12,7 | 12,65 |   - HS chia sẻ cách điền số trước lớp.  - HS lấy VD, làm tròn theo yêu cầu.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp:  Mỗi tờ giấy nặng khoảng 4g.  Vậy 10 tờ giấy nặng khoảng: 4 x 10 = 40 (g)  Đáp số: 40g  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM (10 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức cho HS sau bài học.  - HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế.  - Tạo không khí thoải mái sau giờ học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **Bài 6:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại quy tắc về làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  Bạn Mai nặng khoảng 32kg, bạn Hùng nặng khoảng 33kg, bạn Dũng nặng khoảng 35kg.  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT 3**

**Bài viết 1: Luyện tập tả người (Tả ngoại hình)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Biết viết đoạn văn tả ngoại hình của người.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tả.

- Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả một cách sinh động, thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: HS tự giải quyết nhiệm vụ học tập: biết dựa vào dàn ý đã lập để viết đoạn văn tả ngoại hình của người

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: HS biết trao đổi trao đổi với GV và các bạn về đoạn văn tả ngoại hình của người.

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có sáng tạo trong cách miêu tả ngoại hình của bạn bè.

- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Yêu quý bạn bè; nhìn nhận những điểm tích cực ở bạn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập hoặc vở ôli dành cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **-** GV có thể cho HS chơi trò chơi “Phỏng vấn” các câu hỏi liên quan đến cấu tạo của bài văn tả người: *Nêu cấu tạo của bài văn tả người. ; Chúng ta đã học các phần nào của bài văn tả người? Phần thân bài sẽ tả những gì của người?...*  **- GV giới thiệu bài:** Các em đã tập viết đoạn mở bài và đoạn kết bài trong bài văn tả một người bạn. Hôm nay, các em sẽ dựa vào dàn ý đã lập để tập viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà mình quý mến qua bài: *Luyện tập tả người (tả ngoại hình)* | - HS chơi trò chơi Phỏng vấn: 1 HS nhận các câu hỏi phỏng vấn từ GV và đến hỏi các bạn dưới lớp.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**  - Biết nhận xét đoạn văn tả ngoại hình của người qua BT1.  - Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tả.  - Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả một cách sinh động, thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả. | |
| **Hoạt động 1: Nhận xét về cách tả ngoại hình của người trong các đoạn văn (BT1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 2 HS đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hỏi: Hai đoạn văn vừa đọc tả ngoại hình của ai?  - GV nêu một số việc chính cần thực hiện:  + Đọc hai đoạn văn và các CH yêu cầu trong khung Gợi ý.  + Trả lời CH gợi ý hoặc thực hiện yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  *+ Tác giả tả những đặc điểm nào về ngoại hình của nhân vật?*  *+ Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự như thế nào?*  *+ Những đặc điểm nào gợi cho em nghĩ đến tính cách của nhân vật?*  *+ Tìm những từ ngữ, chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế, chính xác của tác giả.*  - Gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận  *-* GV nói thêm:  + Các đoạn văn trên đều miêu tả ngoại hình người theo trình tự từ khái quát đến cụ thể. Nhưng các em có thể sắp xếp các ý theo cách khác cho phù hợp với trình tự quan sát và ý muốn của mình.  + Khi viết, các em nên thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên dùng từ ngữ giàu hình ảnh hoặc sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả một cách sinh động. | - HS đọc nối tiếp yêu cầu bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm  - HS trả lời: Đoạn văn a: Tả bạn Thắng  Đoạn văn b: Tả cô Chấm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1.  + a) Tác giả tả các đặc điểm về chiều cao, nước da, thân hình (cổ, vai, ngực, bụng, cánh tay, cặp đùi), cặp mắt, miệng, trán.  b) Tác giả tả các đặc điểm về thân hình (vóc dáng, hai cánh tay, hai vai, cổ), mái tóc, đôi lông mày, đôi mắt.  + a) Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự từ khái quát đến cụ thể.  b) Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự từ khái quát đến cụ thể.  + a) Thắng mạnh mẽ, thích vận động (nước da rám đỏ khoẻ mạnh của những đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển; thân hình rắn chắc, nở nang).  Thắng hiền lành, dễ mến, dễ gần (cặp mắt to và sáng; miệng tươi, hay cười).  Thắng bướng bỉnh, gan dạ (cái trán hơi dô ra, trông có vẻ là một tay bướng bỉnh, gan dạ)  b) Cô Chấm giản dị (đôi lông mày loà xoà tự nhiên).  Cô Chấm là người thẳng thắn và mạnh mẽ (đã định nhìn ai thì dám nhìn thẳng, dù người ấy nhìn lại mình).  + a) Một số từ ngữ, chi tiết: nước da rám đỏ; thân hình rắn chắc, nở nang: cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo, cặp đùi dế to, chắc nình nịch; cặp mắt to và sáng; miệng tươi, hay cười; cái trán hơi dô ra;...  b) Một số từ ngữ, chi tiết: thân hình nở nang, cân đối; hai cánh tay béo lẳn và chắc nịch, hai vai tròn và cái cổ cao; tóc đỏ quạch; đôi lông mày loà xoà tự nhiên làm cho đôi mắt sắc sảo dịu dàng đi;...  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:**  HS viết được đoạn văn tả ngoại hình của người bạn mà mình quý mến. | |
| **Hoạt động 2: Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà em quý mến (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    + Khi tả ngoại hình của người, ta viết như thế nào?  - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 3, viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS, nếu HS thắc mắc; khuyến khích HS lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có) | - HS đọc yêu cầu BT 2  - HS trả lời:  + Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải phù hợp với trình tự quan sát và ý muốn của mình. Khi viết, nên thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên chọn những đặc điểm nổi bật về ngoại hình để tả bạn và nhớ dùng từ ngữ giàu hình ảnh hoặc sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Trao đổi: *Gian nan thử sức*. | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 3 TOÁN TĂNG**

**Ôn tập về số thập phân**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Chuyển được phân số thập phân thành số thập phân; hỗn số thành số thập phân đọc viết số thập phân; xác định hàng và giá trị của chữ số trong số thập phân đã viết; so sánh ; sắp xếp số thập phân

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự học, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp và hợp tác với thầy cô và các bạn trong hoạt động nhóm, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ học tập; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** - Vở BTPTNL Toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

**1. Khởi động**:

- HS nối tiếp lấy VD về STP.

|  |  |
| --- | --- |
| + Số thập phân gồm mấy phần ? Đó là những phần nào ?  - Mỗi phần gồm những hàng nào ?  *- GV nhận xét, giới thiệu bài*  **2. Luyện tập:**  GV hướng dẫn HS hoàn thành các bài tập, chữa bài và củng cố kiến thức  Bài 1 trang 23. Viết các phân số thập phân sau dưới dạng số thập phân.  *Củng cố viết phân số thập phân thành số thập phân.*  Bài 7 trang 24. Viết các hỗn số sau dưới dạng số thập phân.  *Củng cố chuyển hỗn số thành số thập phân.*  Bài 3 trang 23. Viết số thập phân hoặc cách đọc thích hợp vào ô trống  *Củng cố đọc viết số thập phân.*  Bài 8 trang 24. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp theo mẫu. Củng cố đọc số thập phân.  Bài 10. Trang 26. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  *Củng cố xác định hàng và giá trị của chữ số trong số thập phân đã viết.*  Bài 4 trang 24. Viết các số thập phân sau dưới dạng gọn hơn. Viết các số thập phân sau thành số có ba chữ số ở phần thập phân.  *Củng cố số thập phân bằng nhau.*  Bài 11 trang 26. Số thập phân bé nhất trong các số là. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn. Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.  *Củng cố so sánh số thập phân.*  **3. củng cố, vận dụng:**  **\_**GV nhận xét giờ học  - HS về hoàn thành các bài còn lại | - HS trả lời  - HS lấy ví dụ  - HS nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài, trao đổi trong nhóm đôi.  - HS chữa bài trước lớp  - HS nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài, trao đổi trong nhóm đôi.  - HS chữa bài trước lớp  - HS đọc bài, nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài cá nhân.  - HS đổi vở kiểm tra.  - HS nối tiếp nêu kết quả  - HS nối tiếp thực hiện yêu cầu trước lớp của bài (Mỗi HS làm 1 STP).  - HS nhận xét.  - HS nêu cấu tạo STP,  - HS đọc bài, nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài cá nhân.  - HS đổi vở kiểm tra.  - 3 HS lên bảng chữa bài.  - HS nêu yc.  - HS làm bài cá nhân, đổi vở kiểm tra chéo.  - HS lên viết  - HS nhận xét, bổ sung. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 4 KHOA HỌC1**

**Năng lượng và năng lượng chất đốt (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự học: HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin qua sách báo, internet.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: HS có ý thức bảo vệ môi trường .

- Phẩm chất chăm chỉ: HS ham tìm hiểu, học hỏi.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. CHUẨN BỊ:**

Đối với GV:

- Tranh ảnh, clip sưu tầm thêm về các nguồn năng lượng, về sử dụng năng lượng chất đốt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút )**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS hát và vận động theo nhạc bài hát Cho tôi đi làm mưa với.  - GV yêu cầu HS nêu ý kiến trả lời câu hỏi: Một căn phòng đang tối, nêu cách đề làm căn phòng sáng lên.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS hát và vận động theo nhạc.  - HS chia sẻ trước lớp: dùng đèn/nến thắp sáng, bật đèn, ...  - HS lắng nghe. |
| **B. Khám phá kiến thức mới ( 17 phút )**   1. **Năng lượng**   ***Hoạt động 1: Tìm hiểu về nguồn năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, phương tiện***  **a) Mục tiêu:** Nêu và trình bày được một số nguồn cung cấp năng lượng thông dụng.  **b) Cách thực hiện:** | |
| Bước 1. Làm việc cá nhân   * GV yêu cầu HS quan sát các hình từ 1 đến 6, trang 24 SGK, xác định ở mỗi hình nguồn năng lượng cho phương tiện, máy móc, hoạt động của con người.   *Bước 2. Làm việc cả lớp*  – GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, kết luận  Thức ăn cung cấp năng lượng làm tay ta hoạt động đưa thức ăn vào miệng/ đưa quần áo lên cao.  Mặt tr*ờ*i tỏa nhiệt tạo ra năng lượng làm quần áo khô.  Điện do các nhà máy cung cấp năng lượng làm cho quạt quay.  Nước chảy tạo ra năng lượng làm tua bin quay.  Gió thoi tạo ra năng lượng đẩy thuyền đi  Xăng bị đốt cháy sinh ra năng lượng làm xe di chuyển được.  - GV yêu cầu HS làm câu 1, Bài 5 VBT.  – GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Chìa khoá, trang 25 SGK. | - HS quan sát tranh và làm việc cá nhân   * HS nối tiếp nêu:   + Hình 1:Con người ăn cơm. Năng lượng từ thức ăn.  + Hình 2: Bạn nho phơi quần áo nhờ năng lượng từ thức ăn. Quần áo kho nhờ năng lượng mặt trời.  + Hình 3: Quạt quay nhờ năng lượng điện.  + Hình 4: Bánh xe nước quay được nhờ năng lượng nước chảy.  + Hình 5: Thuyền di chuyển nhờ năng lượng gió.  + Hình 6: Xe máy hoạt động được nhờ năng lượng xăng (chất đốt).   * HS lắng nghe * HS làm bài   - HS đọc thầm, 2 HS đọc trước lớp |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập ( 7 phút )**  **a) Mục tiêu:** HS trình bày được việc sử dụng một số nguồn năng lượng thông dụng trong cuộc sống hàng ngày.  **b) Cách thực hiện** | |
| - GV yêu cầu HS nêu một số nguồn năng lượng thông dụng ở địa phương em và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày, sau đó cho HS chia sẻ trước lớp về kết quả.  − GV yêu cầu HS làm các câu 2, 3 Bài 5 VBT. | - HS làm việc cặp đôi và chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  Pin, than, củi, ga, xăng dầu, rơm, rạ, .....  - HS làm bài |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 5 phút )**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:  **+ Kể tên các** nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, ....  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS chia sẻ trước lớp:  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Chiều Tiết 1 TIẾNG VIỆT 4**

**Nói và nghe: Trao đổi: *Gian nan thử sức***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- HS kể được về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua, chia sẻ được suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực.

- Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

- Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn để đặt CH hoặc phát biểu ý kiến.

**2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: Chủ động tìm kiếm và nêu một tình huống khó khăn để phục vụ cho việc trao đổi trong bài.

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: Biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe

- Phát triển NL giải quyết vấn đề: Đưa ra được cách để vượt qua khó khăn trong tình huống đó.

- Phát triển PC trách nhiệm, chăm chỉ: Có ý thức và hành động phù hợp để thực hiện các việc làm dù gặp khó khăn; Bồi dưỡng ý thức quyết tâm, tinh thần vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **-** GV cho HS xem một đoạn phim về 1 tình huống gặp khó khăn của 1 người và hỏi: *Đoạn phim nói về ai? Điều gì đã xảy ra với bạn nhỏ trong phim? Bạn đã làm gì để vượt qua khó khăn đó?*  (có thể lấy đoạn phim tình huống 3 của bài Đạo đức 4: Nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn ở web Hoc10 hoặc tham khảo đoạn phim trên Youtube: <https://www.youtube.com/watch?v=qWigKbSDjHU>  **- GV giới thiệu bài: Chắc hẳn trong chúng ta, ai ai cũng đã từng gặp khó khăn và chúng ta phải cố gắng để vượt qua các khó khăn đó. Vì vậy,** trong tiết *Nói và nghe* hôm nay, cô muốn các em sẽ kể về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua. Sau đó, các em sẽ chia sẻ suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực qua bài: *Trao đổi: Gian nan thử sức* | - HS xem đoạn phim và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**  HS kể được về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua. | |
| **Hoạt động 1: Kể một số tình huống khó khăn mà bản thân mình đã gặp (BT 1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV gọi 2 HS nối tiếp đọc 2 yêu cầu của bài tập 1, 2 và gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 1 và hỏi: Em hãy nêu một tình huống khó khăn mà em đã gặp (các tình huống khó khăn đó có thể xảy ra trong học tập hoặc trong cuộc sống thường ngày)      **- GV nhận xét về cách diễn đạt khi nói, tuyên dương hoặc sửa chữa (nếu có)**  **- GV nêu thêm một số tình huống khó khăn mà có thể HS đã từng gặp.** | - HS nối tiếp đọc yêu cầu bài tập 1, 2, gợi ý. Cả lớp đọc thầm  - HS phát biểu ý kiến: *Em gặp một bài toán khó nhưng chưa biết cách giải / lần đầu tiên phải phát biểu (hoặc hát / đọc thơ,…) trước nhiều người / lần đầu tiên phải đi chợ mua rau giúp mẹ / có lần phải ở nhà một mình vào buổi tối / …*  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:**  - HS chia sẻ được suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực khi giải quyết các tình huống khó khăn đó.  - Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.  - Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn để đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến. | |
| **Hoạt động 2: Trao đổi về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua, chia sẻ được suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2 và các gợi ý.  - GV hỏi theo các gợi ý với 1-2HS để làm mẫu  *-* GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 theo các gợi ý của SGK, trao đổi với bạn về cách giải quyết vấn đề của mình và của bạn.  *a) Em đã gặp phải khó khăn gì?*  *b) Khi gặp khó khăn, em đã nghĩ gì và làm gì?*  *c) Việc làm đó của em dẫn đến kết quả như thế nào?*  *d) Nếu gặp lại tình huống tương tự, em sẽ giải quyết như thế nào? Vì sao?*  - GV tổ chức cho HS thảo luận trước lớp    - GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. | - HS đọc yêu cầu BT 2, gợi ý  - 1-2 HS thực hiện trao đổi với GV  - HS thảo luận và luân phiên trình bày trong nhóm.  ***VD:*** *Có lần, tớ gặp một bài toán khó, tìm mãi không ra đáp án. Tớ nản lắm, nhờ bố tớ giải giúp. Nhưng bố tớ chỉ giảng cho tớ chứ không giải bài tập hộ. Bố bảo nếu không tự làm bài thì mình sẽ ngày càng kém. Thế rồi, nhờ có bố hướng dẫn, tớ cũng tự làm được bài toán ấy. Bố tớ bảo ý chí và lòng quyết tâm có thể biến một việc khó thành một việc dễ. Sau này, nếu gặp bài toán khó, nhất định tớ sẽ không nhờ bố giải hộ nữa. Tớ nghĩ là mình có thể làm được các bài toán khác, nếu tớ kiên trì và được giúp đỡ đúng cách.*  - Một số HS trình bày ý kiến trước lớp; trả lời câu hỏi của các bạn hoặc đặt CH; mời cả lớp thảo luận về ý kiến của bạn.  - Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vắn tắt về tình huống và chia sẻ của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt câu hỏi, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện; kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của HS trong khi nghe.  - HS lắng nghe |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | |
| - GV dặn HS về nhà tìm thêm về tình huống khó khăn mà mình từng gặp; rồi mạnh dạn trao đổi với người thân, bạn bè, thầy cô về vai trò của ý chí, nghị lực để giúp mình vượt qua khó khăn đó.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Bài đọc: *“Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi* | - HS lắng nghe, thực hiện ở nhà  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT TĂNG**

**Luyện tập về dấu gạch ngang, mở rộng vốn từ Học hành**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Củng cố, hệ thống các kiến thức về dấu gạch ngang, mở rộng vốn từ thông qua hình thức rung chuông vàng để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

- Luyện khả năng phản xạ làm bài nhanh, học hành

- Phát triển năng lực hợp tác, ra quyết định

- Giáo dục ý thức nghiêm túc, trung thực trong học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

GV:Thiết kế trò chơi rung chuông vàng

HS: Bảng con, phấn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC;**

### 1-Khởi động: Cả lớp cùng hát đồng thanh

2- Tổ chức cho HS chơi Rung chuông vàng trả lời các câu hỏi

*Nội dung về Dấu gạch ngang*

#### I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

**Câu 1:** Đâu **không** phải công dụng của dấu gạch ngang?

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp.

B. Đánh dấu các ý liệt kê.

C. Nối các từ trong một liên danh.

D. Đánh dấu tên văn bản.

**Câu 2:** Câu văn nào dưới đây có chứa dấu gạch ngang?

A. Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi có niềm đam mê hội họa từ nhỏ.

B. Nhờ những chuyến “du lịch” đó, Giuyn Véc-nơ đã viết nên nhiều truyện khoa học viễn tưởng.

C. Lu-i là người đã sáng tạo ra chữ nổi dành cho người mù.

D. Phong Nha – Kẻ Bàng có rất nhiều hang động kì vĩ với các nhũ đá đẹp lộng lẫy.

**Câu 3:** Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong câu dưới đây?

*Để trồng cây trong chậu, em hãy làm theo các bước sau:*

– *Chuẩn bị đất, cho một phần đất vào chậu.*

– *Dùng xẻng nhỏ xới đất cho đất tơi xốp.*

*Đặt cây vào chậu, cho nốt phần đất còn lại, dùng tay ấn nhẹ đất cho chắc gốc cây.*

– *Tưới một chút nước vào gốc cây cho đất ẩm và gốc cây chắc hơn.*

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

B. Đánh dấu các ý liệt kê.

C. Nối các từ trong một liên danh.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 4:** Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong đoạn dưới đây?

*Chương trình học bổng “Vì mái trường xanh” đã đến với các em học sinh khắp ba miền Bắc – Trung – Nam.*

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

B. Đánh dấu các ý liệt kê.

C. Nối các từ trong một liên danh.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 5:** Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong đoạn dưới đây?

*Thiếu nhi tham gia công tác xã hội:*

*– Tham gia tuyên truyền, cổ động cho các phong trào.*

*– Tham gia Tết trồng cây, làm vệ sinh trường lớp, xóm làng.*

*– Chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ.*

*– Giúp đỡ người già neo đơn, người có hoàn cảnh khó khăn.*

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

B. Đánh dấu các ý liệt kê.

C. Nối các từ trong một liên danh.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 6:** Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong đoạn dưới đây?

*Chú hề vội tiếp lời:*

*– Tất nhiên rồi. Khi một con hươu mất sừng, cái sừng mới sẽ mọc ra. Sau khi đêm thay thế cho ngày, ngày lại thế chỗ của đêm.*

*– Mặt trăng cũng vậy, mọi thứ đều vậy… – Giọng công chúa nhỏ dần. Nàng đã ngủ.*

*Chú hề đắp chăn cho công chúa rồi rón rén ra khỏi phòng.*

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật và đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

B. Đánh dấu các ý liệt kê và nối các từ trong một liên danh.

C. Nối các từ trong một liên danh và đánh dấu các ý liệt kê

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 7:** Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong đoạn dưới đây?

*Đứng ở đây, nhìn ra xa, phong cảnh thật là đẹp. Bên phải là đỉnh Ba Vì vời vợi, nơi Mị Nương – con gái vua Hùng Vương thứ 18 – theo Sơn Tinh về trấn giữ núi cao.*

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

B. Đánh dấu các ý liệt kê.

C. Nối các từ trong một liên danh.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 8:** Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong đoạn dưới đây?

*Tâm bảo An:*

*– Hoa phượng vĩ đã nở. Mùa hè đến thật rồi!*

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

B. Đánh dấu các ý liệt kê.

C. Nối các từ trong một liên danh.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 9:** Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong đoạn dưới đây?

*Những vật dụng cần cho chuyến du lịch biển:*

*– Ba lô, giày thể thao.*

*– Quần áo bơi, kem chống nắng.*

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

B. Đánh dấu các ý liệt kê.

C. Nối các từ trong một liên danh.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 10:** Dấu gạch ngang nào sau đây có tác dụng đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật?

A. *–* Thưa bác, than đắt lắm!

B.Chào bác! *–* Em bé nói với tôi.

C. Cao tốc Hà Nội *–* Hải Phòng đã đi vào hoạt đông.

D. Thí sinh cuối cùng *–* một em bé có dáng chắc nịch với nước da rám nắng *–* vào phòng thi và bước tới gần bàn của ban giám khảo.

#### II. THÔNG HIỂU (05 CÂU)

**Câu 1:** Sửa lại câu dưới đây bằng cách thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp?

*Nhạc sĩ Hoàn Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hà Nội Huế Sài Gòn của nhà thơ Lê Nguyên.*

A. Nhạc sĩ Hoàn Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hà Nội *–* Huế *–* Sài Gòn của nhà thơ Lê Nguyên.

B. Nhạc sĩ Hoàn Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hà Nội Huế *–* Sài Gòn của nhà thơ Lê Nguyên.

C. Nhạc sĩ Hoàn Vân *–* đã phổ nhạc cho bài thơ Hà NộiHuếSài Gòn của nhà thơ Lê Nguyên.

D. Nhạc sĩ Hoàn Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hà NộiHuếSài Gòn *–* của nhà thơ Lê Nguyên.

**Câu 2:** Sửa lại câu dưới đây bằng cách thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp?

*Để làm một con diều giấy, chúng ta phải thực hiện 3 bước:*

*Làm khung diều.*

*Đo và cắt áo diều.*

*Ráp các bộ phận của diều.*

A. Để làm một con diều giấy, chúng ta phải thực hiện 3 bước:

Làm khung diều.

*–* Đo và cắt áo diều.

Ráp các bộ phận của diều.

B. Để làm một con diều giấy, chúng ta phải thực hiện 3 bước:

*–* Làm khung diều.

*–* Đo và cắt áo diều.

*–* Ráp các bộ phận của diều.

C. Để làm một con diều giấy, chúng ta phải thực hiện *–* 3 bước:

*–* Làm khung diều.

*–* Đo và cắt áo diều.

*–* Ráp các bộ phận của diều.

D. Để làm một *–* con diều giấy, chúng ta phải thực hiện *–* 3 bước:

*–* Làm khung diều.

*–* Đo và cắt áo diều.

*–* Ráp các bộ phận của diều.

**Câu 3:** Sửa lại câu dưới đây bằng cách thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp?

*Trong kho tàng truyện cổ các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Ngãi có không ít những câu chuyện về tình ruột thịt anh em Kinh Thượng.*

A. Trong kho tàng truyện cổ các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Ngãi có không ít những câu chuyện về tình ruột thịt *–* anh em Kinh *–* Thượng.

B. Trong kho tàng truyện cổ các dân tộc *–* thiểu số miền núi Quảng Ngãi có không ít những câu chuyện về tình ruột thịt anh em Kinh Thượng.

C. Trong kho tàng truyện cổ các dân tộc thiểu số miền núi *–* Quảng Ngãi có không ít những câu chuyện về tình ruột thịt anh em KinhThượng.

D. Trong kho tàng truyện cổ các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Ngãi có không ít những câu chuyện về tình ruột thịt anh em Kinh *–* Thượng.

**Câu 4**: Sửa lại câu dưới đây bằng cách thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp?

*Vùng quế Trà My Trà Bồng (Quảng Nam Quảng Ngãi) là một trong bốn vùng trồng quế có diện tích lớn và lâu đời ở Việt Nam.*

A. Vùng quế Trà My Trà Bồng *–* (Quảng Nam Quảng Ngãi) là một trong bốn vùng trồng quế có diện tích lớn và lâu đời ở Việt Nam.

B. Vùng quế Trà My *–* Trà Bồng (Quảng Nam *–* Quảng Ngãi) là một trong bốn vùng trồng quế có diện tích lớn và lâu đời ở Việt Nam.

C. Vùng quế Trà My *–* Trà Bồng (Quảng Nam Quảng Ngãi) là một trong bốn vùng trồng quế có diện tích lớn và lâu đời ở Việt Nam.

D. Vùng quế Trà My *–* Trà Bồng *–* (Quảng Nam *–* Quảng Ngãi) là một trong bốn vùng trồng quế có diện tích lớn và lâu đời ở Việt Nam.

**Câu 5:** Sửa lại câu dưới đây bằng cách thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp?

*Thưa thầy, con thích đi học ạ!*

*Thầy giáo gật gù:*

*Thế thì được!*

*Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường.*

A. Thưa thầy, con thích đi học ạ!

*–* Thầy giáo gật gù:

Thế thì được!

*–* Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường.

B. Thưa thầy, con thích đi học ạ!

Thầy giáo gật gù:

*–* Thế thì được!

Thầy bằng lòng *–* nhận cậu vào trường.

C. *–* Thưa thầy, con thích đi học ạ!

Thầy giáo gật gù:

*–* Thế thì được!

Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường.

D. *–* Thưa thầy, con thích đi học ạ!

*–* Thầy giáo gật gù:

*–* Thế thì được!

*–* Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường.

#### III. VẬN DỤNG (03 CÂU)

**Câu 1**: Cần thêm dấu gạch ngang vào những vị trí nào trong đoạn văn dưới đây?

*Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa thể thao,… giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.*

A. Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa thể thao,… – giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.

B. Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, văn hóa – thể thao,… giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.

C. Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, văn hóa thể thao,… giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.

D. Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ, giáo dục – đào tạo, văn hóa – thể thao,… – giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.

**Câu 2:** Dấu gạch ngang trong đoạn văn dưới đây có tác dụng gì?

*Vụ Đông – Xuân năm nay diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi.*

A. Để nối tên thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của một vụ trồng trọt.

B. Để nối tên hai mùa trong năm.

C. Để nối tên hai loại lúa trên cánh đồng.

D. Để nối tên điểm đầu và điểm cuối của một tuyến đường.

**Câu 3:** Cần thêm dấu gạch ngang vào những vị trí nào trong đoạn văn dưới đây?

“Sáng Chủ nhật, chúng ta có buổi tham quan nông trại. Các em nhớ mang bút và sổ tay để ghi chép, chuẩn bị ý cho bài viết sắp tới nhé!” đó là thông báo của cô giáo chủ nhiệm từ buổi chiều thứ Năm. Lan háo hức lắm. Cô bé thấy thời gian trôi thật chậm, mãi mà không tới Chủ nhật.

A. “Sáng Chủ nhật, chúng ta có buổi tham quan nông trại. Các em nhớ mang bút và sổ tay để ghi chép, chuẩn bị ý cho bài viết sắp tới nhé!” *–* đó là thông báo của cô giáo chủ nhiệm từ buổi chiều thứ Năm. Lan háo hức lắm. Cô bé thấy thời gian trôi thật chậm, mãi mà không tới Chủ nhật.

B. “Sáng Chủ nhật, chúng ta có buổi tham quan nông trại. Các em nhớ mang bút và sổ tay để ghi chép, chuẩn bị ý cho bài viết sắp tới nhé!” đó là thông báo của cô giáo chủ nhiệm từ buổi chiều *–* thứ Năm. Lan háo hức lắm. Cô bé thấy thời gian trôi thật chậm, mãi mà không tới Chủ nhật.

C. “Sáng Chủ nhật, chúng ta có buổi tham quan nông trại. Các em nhớ mang bút và sổ tay để ghi chép, chuẩn bị ý cho bài viết sắp tới nhé!” đó là thông báo của cô giáo chủ nhiệm từ buổi chiều thứ Năm. Lan háo hức lắm. Cô bé thấy thời gian trôi thật chậm, mãi mà không tới Chủ nhật.

D. “Sáng Chủ nhật, chúng ta có buổi tham quan nông trại. Các em nhớ mang bút và sổ tay để ghi chép, chuẩn bị ý cho bài viết sắp tới nhé!” đó là thông báo của cô giáo chủ nhiệm từ buổi chiều thứ Năm. Lan háo hức lắm. Cô bé thấy thời gian trôi thật chậm, mãi mà không tới Chủ nhật.

#### IV. VẬN DỤNG CAO (01 CÂU)

**Câu 1:** Đọc mẩu chuyện dưới đây và cho biết đâu là công dụng của những dấu gạch ngang được sử dụng trong mẩu chuyện?

|  |
| --- |
| **Cái bếp lò**  Sáng tháng Chạp. Trời rét căm căm. Hai bên đường đi, cánh đồng phủ kín tuyết trắng. Tôi đi ngược gió, mũ sụp xuống mắt, cổ áo da che kín mũi. Chợt tôi thấy bên đường, trước mặt tôi, một em bé trai quãng mười tuổi. Em đi đầu trần, mặt mũi đỏ ửng lên vì rét. Hai tay thủ trong túi, em đi rất nhanh.  *–* Chào bác *–* Em bé nói với tôi.  *–* Cháu đi đâu vậy? *–* Tôi hỏi em.  *–* Thưa bác, cháu đi học.  *–* Sáng nay rét lắm. Thế mà cháu vẫn đi à?  *–* Thưa bác, vâng. Rét lắm, mà nhà cháu lại không đốt lò sưởi. Chúng cháu rét cóng cả người.  *–* Nhà cháu không có than ủ ư?  *–* Thưa bác, than đắt lắm.  *–* Cháu thích đi học lắm phải không? Cháu yêu trường chứ? Cháu yêu thầy chứ?  Đôi mắt xanh đẹp đẽ của em bé sáng long lanh khi em đáp lời tôi:  *–* Thưa bác, vâng.... Cháu yêu thầy giáo lắm... Thầy có cả một cái bếp lò..  *Theo* A. Đô-Đê |

A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

B. Đánh dấu các ý liệt kê và nối các từ trong một liên danh.

C. Nối các từ trong một liên danh và đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

D. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật và bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

### *Mở rộng vốn từ Học hành*

### I. NHẬN BIẾT (06 câu)

**Câu 1:** Từ *"học hành"* có nghĩa gần nhất với cụm từ nào sau đây?

A. Giảng dạy kiến thức.

B. Tiếp thu và rèn luyện kiến thức.

C. Nghiên cứu khoa học.

D. Tổ chức hoạt động giáo dục.

**Câu 2:** Từ nào sau đây chỉ khoảng thời gian học tập trong năm?

A. Học trò. B. Học kỳ. C. Học phí. D. Học viện.

**Câu 3:** Từ *"Học lực"* có nghĩa là gì?

A. Sức khỏe của học sinh.

B. Khả năng tiếp thu kiến thức.

C. Thời gian học tập.

D. Số lượng sách vở.

**Câu 4:** Từ *"Học hỏi"* có nghĩa gần nhất với từ nào sau đây?

A. Dạy dỗ. B. Tiếp thu. C. Thi cử. D. Nghỉ ngơi.

**Câu 5:** Từ *"Học vấn"* có nghĩa là gì?

A. Điểm số các môn học.

B. Trình độ kiến thức đã đạt được.

C. Thời gian đi học.

D. Số lượng bằng cấp.

**Câu 6:** Từ *"Học đường"* là từ ngữ chỉ:

A. Đường đi đến trường.

B. Môi trường học tập, trường học.

C. Lộ trình học tập.

D. Thời gian học trong ngày.

### II. THÔNG HIỂU (04 câu)

**Câu 1:** Từ *"Thực hành"* có nghĩa là gì?

A. Học lý thuyết.

B. Áp dụng kiến thức vào thực tế.

C. Nghiên cứu.

D. Giảng dạy.

**Câu 2:** Từ nào có nghĩa là *"cùng đi với, hỗ trợ"*?

A. Hành quân. B. Đồng hành. C. Xuất hành. D. Hành khúc.

**Câu 3:** Từ *"Tiến hành"* thường được sử dụng trong hoàn cảnh nào?

A. Thực hiện một công việc hoặc quá trình.

B. Di chuyển về phía trước.

C. Học tập.

D. Tổ chức sự kiện.

**Câu 4:** Từ *"Hành quân"* liên quan đến lĩnh vực nào?

A. Giáo dục. B. Y tế. C. Quân sự. D. Kinh tế.

III. VẬN DỤNG (03 câu)

**Câu 1:** Ý nghĩa của *"hành động"* là gì?

A. Suy nghĩ.

B. Nói chuyện.

C. Thực hiện một việc gì đó.

D. Nghỉ ngơi.

**Câu 2:** Từ *"Hành nghề"* có nghĩa là:

A. Học nghề.

B. Thực hành một nghề nghiệp.

C. Thay đổi nghề nghiệp.

D. Nghỉ hưu.

**Câu 3:** Từ *"Xuất hành"* thường được sử dụng trong trường hợp nào?

A. Kết thúc một chuyến đi.

B. Bắt đầu một chuyến đi.

C. Ở nhà.

D. Đi làm hàng ngày.

### IV. VẬN DỤNG CAO (02 câu)

**Câu 1:** Từ *"Học sinh"* có nghĩa là gì?

A. Người dạy học.

B. Người đang theo học tại trường.

C. Sách giáo khoa.

D. Phòng học.

**Câu 2:** Từ *"Hành khúc"* có nghĩa là gì?

A. Một loại thức ăn.

B. Một bài hát có nhịp điệu mạnh mẽ, thường dùng trong quân đội.

C. Một loại xe cộ.

D. Một loại trang phục.

### Đáp án

**Dấu gạch ngang**

#### I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

**Câu 1:**

D. Đánh dấu tên văn bản.

**Câu 2:**

D. Phong Nha – Kẻ Bàng có rất nhiều hang động kì vĩ với các nhũ đá đẹp lộng lẫy.

**Câu 3:** B. Đánh dấu các ý liệt kê.

**Câu 4:** C. Nối các từ trong một liên danh.

**Câu 5:** B. Đánh dấu các ý liệt kê.

**Câu 6:** A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật và đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 7:** D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

**Câu 8:** A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

**Câu 9:** B. Đánh dấu các ý liệt kê.

**Câu 10:** A. *–* Thưa bác, than đắt lắm!

#### II. THÔNG HIỂU (05 CÂU)

**Câu 1:** A. Nhạc sĩ Hoàn Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hà Nội *–* Huế *–* Sài Gòn của nhà thơ Lê Nguyên.

**Câu 2:** B. Để làm một con diều giấy, chúng ta phải thực hiện 3 bước:

*–* Làm khung diều.

*–* Đo và cắt áo diều.

*–* Ráp các bộ phận của diều.

**Câu 3:** D. Trong kho tàng truyện cổ các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Ngãi có không ít những câu chuyện về tình ruột thịt anh em Kinh *–* Thượng.

**Câu 4**: B. Vùng quế Trà My *–* Trà Bồng (Quảng Nam *–* Quảng Ngãi) là một trong bốn vùng trồng quế có diện tích lớn và lâu đời ở Việt Nam.

**Câu 5:** C. *–* Thưa thầy, con thích đi học ạ!

Thầy giáo gật gù:

*–* Thế thì được!

Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường.

#### III. VẬN DỤNG (03 CÂU)

**Câu 1**: B. Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, văn hóa – thể thao,… giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.

**Câu 2:** A. Để nối tên thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của một vụ trồng trọt.

**Câu 3:** A. “Sáng Chủ nhật, chúng ta có buổi tham quan nông trại. Các em nhớ mang bút và sổ tay để ghi chép, chuẩn bị ý cho bài viết sắp tới nhé!” *–* đó là thông báo của cô giáo chủ nhiệm từ buổi chiều thứ Năm. Lan háo hức lắm. Cô bé thấy thời gian trôi thật chậm, mãi mà không tới Chủ nhật.

#### IV. VẬN DỤNG CAO (01 CÂU)

**Câu 1:** D. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật và bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

### I. NHẬN BIẾT (06 câu)

**Câu 1:** B. Tiếp thu và rèn luyện kiến thức.

**Câu 2:**B. Học kỳ.

**Câu 3:** B. Khả năng tiếp thu kiến thức.

**Câu 4:** B. Tiếp thu.

**Câu 5:** B. Trình độ kiến thức đã đạt được.

**Câu 6:** B. Môi trường học tập, trường học.

### II. THÔNG HIỂU (04 câu)

**Câu 1:** B. Áp dụng kiến thức vào thực tế.

**Câu 2:** B. Đồng hành.

**Câu 3:** A. Thực hiện một công việc hoặc quá trình.

**Câu 4:** C. Quân sự.

III. VẬN DỤNG (03 câu)

**Câu 1:** C. Thực hiện một việc gì đó.

**Câu 2:** B. Thực hành một nghề nghiệp.

**Câu 3:** B. Bắt đầu một chuyến đi.

### IV. VẬN DỤNG CAO (02 câu)

**Câu 1:** B. Người đang theo học tại trường.

**Câu 2:** B. Một bài hát có nhịp điệu mạnh mẽ, thường dùng trong quân đội.

3- Tổng kết : Tổng hợp số điểm

GV nhận xét giờ học, tuyên dương những bạn trả lời được nhiều câu hỏi nhất

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 3 TOÁN TĂNG**

**Ôn tập về số thập phân ( tiếp theo).**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết cấu tạo của STP, hàng của STP và biết cách đọc, viết các STP.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự học, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp và hợp tác với thầy cô và các bạn trong hoạt động nhóm, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ học tập; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** - Máy tính kết nối ti vi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

**1. Khởi động**:

- HS nối tiếp lấy VD về STP.

|  |  |
| --- | --- |
| - Tổ chức cho HS trao đổi với nhau kiến thức về hang của STP, cách đọc viết STP. VD :  + Số thập phân gồm mấy phần ? Đó là những phần nào ?  - Mỗi phần gồm những hàng nào ?  - Lấy VD 1 STP và chỉ rõ phần nguyên, phần thập phân và các chữ số ở từng phần đó xem chúng ở hàng nào.  - Nêu cách đọc và viết các số thập phân .  *- GV nhận xét, chốt về các hàng của số TP,*  *cách đọc và viết các số thập phân : Khi đọc hoặc viết STP ta đọc hoặc viết từ hành cao đến hang thấp, từ phần nguyên, dấu phẩy, rồi phần thập phân.*  **2. Luyện tập:**  **Bài 1**: Đọc các số thập phân sau; nêu phần nguyên, phần thập phân và giá trị theo vị trí của mỗi chữ số ở từng hàng.  2,35 ; 28,362 ; 501,85 ; 0,005 ; 1537,62  - GV nhận xét, đánh giá.  *GV chốt : Củng cố về cấu tạo của STP, các cách đọc STP.*  *Lưu ý HS giá trị của mỗi chữ số trong STP phụ thuộc vào hàng của nó đứng.*  **Bài 2**. Viết số thập phân có:  a. Chín đơn vị, ba phần mười .  b. Năm mươi tư đơn vị, năm trăm sáu mươi hai phần nghìn.  c. Mười đơn vị, một phần mười, một phần nghìn.  e. Không đơn vị, hai mươi sáu phần nghìn .  g. Năm mươi lăm đơn vị, ba phần trăm, một phần nghìn.  - YCHS làm bài.  KKHS làm nhanh làm tiếp phần :  h. Hai trăm, 3 đơn vị, 3 phần mười và 3 phần nghìn.  i, Tám phần nghìn.  - GV theo dõi, chấm 1 số bài, NX.  *GV chốt lại cách viết số thập phân : viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp mỗi hàng ứng với 1 chữ số (trước hết viết phần nguyên, viết đến dấu phẩy, sau đó viết phần thập phân). Lưu ý nếu hàng nào thiếu thì viết thêm 1 chữ số 0.*  **Bài 3**.Với các chữ số 0,1,4,7 hãy viết các số thập phân có 4 chữ số khác nhau sao cho phần thập phân và phần nguyên có số chữ số bằng nhau.  - YCHS làm bài.  KKHS viết hết các số.  *-* GV nhận xét, chốt các số viết đúng :  + 10,47; 10,74; 17,04; 17,40; 14,07; 14,70  + 40,17; 40,71; 41,07; 41,70; 47,01; 47,10  + 70,14; 70,41; 71,04; 71,40; 74;01; 74,10  *Chốt : Củng cố cách viết số thập phân từ các số cho trước thỏa mãn điều kiện.*  **Bài 4 :** (KKHS làm) Viết tổng sau dưới dạng số TP rồi đọc số thập phân đó :  600 + 0,4 + C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5404\wps5.jpg  - GV hướng dẫn cách làm: Viết các STP trong tổng dưới dạng PS thập phân rồi thực hiện tính cộng các PSTP; thực hiện chuyển phép cộng STN với PSTP thành STP.  - GV nhận xét, đánh giá.  *Chốt : Củng cố cách viết tổng của STN với phân số thập phân thành số thập phân.*  **3. Vận dụng:** | - 1 HS điều hành các bạn hỏi đáp :  + Số thập phân gồm 2 phần : phần nguyên và phần thập phân.  - HS nêu.  - HS lấy ví dụ  - HS nêu.  - HS nêu yêu cầu bài tập  - HS trao đổi làm bài trong nhóm đôi.  - HS nối tiếp thực hiện yêu cầu trước lớp của bài (Mỗi HS làm 1 STP).  - HS nhận xét.  - HS nêu cấu tạo STP, cách đọc STP  - HS đọc bài, nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài cá nhân.  - HS đổi vở kiểm tra.  - 3 HS lên bảng chữa bài.  - HS nhận xét.  - KKHS nêu cách viết STP.  - HS nêu yc.  - HS làm bài cá nhân, đổi vở kiểm tra chéo.  - HS lên viết số.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS nêu yêu cầu.  - HS làm bài cá nhân, 1HS lên bảng làm bài.  - HS nhận xét, thống nhất cách làm đúng.  a, 600 + 0,4 + C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5404\wps6.jpg  = 600 +C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5404\wps7.jpg(C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5404\wps8.jpg)  = 600 +C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5404\wps9.jpg  = C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5404\wps10.jpg= 600,43 |

- Số thập phân gồm những hàng nào ?

- Nêu cách đọc và viết các số thập phân.

- GV nhận xét tiết học.

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thứ tư ngày 16 tháng 10 năm 2024**

**Sáng Tiết 1 TOÁN 3**

**Ôn tập về các đơn vị đo diện tích đã học**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- HS thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo diện tích (*mm2, cm2, dm2, m2*) trong một số trường hợp đơn giản; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo diện tích trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | | |
| - GV cho HS chơi trò chơi “Gió thổi”: Khi quản trò hô “Gió thổi, gió thổi”, thổi đến đơn vị đo DT nào thì HS nêu đặc điểm của đơn vị đo DT đó.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | | - HS hào hứng tham gia trò chơi, nêu đặc điểm của một số đơn vị đo DT: mm2, cm2, dm2, m2.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (25 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo diện tích (*mm2, cm2, dm2, m2*) trong một số trường hợp đơn giản; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo diện tích trong một số trường hợp đơn giản.  **b) Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS quan sát các hình ảnh rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa 2 đơn vị đo DT liền kề.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS suy nghĩ, thi đua trả lời.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS chia sẻ theo cặp:  a, Chiếc bảng có cạnh 1m nên DT chiếc bảng là 1m2. Tờ giấy có cạnh 1dm nên DT của tờ giấy là 1dm2. …  b,   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | m2 | dm2 | cm2 | mm2 | | 1m2 = 100dm2 | 1dm2  = 100cm2  = m2 | 1cm2  = 100mm2  = dm2 | 1mm2  = cm2 |   - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  8m2 15dm2 = 815dm2 35cm2 12mm2 = 3512mm2  10m2 7dm2 = 1007dm2 8cm2 6mm2 = 806mm2  5dm2 23cm2 = 523cm2 56cm2 33mm2 = 5633mm2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS suy nghĩ, thi đua trả lời:  DT tờ tiền VN khoảng 100cm2 ; DT mặt bàn khoảng 40dm2 ; DT bể bơi khoảng 40m2 ; DT bề mặt một nút ấn trên điều khiển tivi khoảng 32mm2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, Tổng DT tầng 2 của nhà bạn Duy là:  6 x 8 = 48 (m2)  b, Diện tích phòng ngủ 2 là: 3 x 3 = 9 (m2)  b, Diện tích phòng ngủ 3 là:  6 x 4 - 2 x 3 = 18 (m2)  Đáp số: a, 48m2  b, 9m2 c, 18m2  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM (5 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức cho HS sau bài học.  - HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế.  - Tạo không khí thoải mái sau giờ học.  **b) Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học và mối quan hệ giữa các đơn vị đo DT.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, Bức tranh gồm số mảnh gốm là:  100 x 50 = 5000 (mảnh gốm)  b, DT của bức tranh là: 2 x 2 x 5000 = 20 000 (cm2)  Đổi: 20 000cm2 = 20m2  - HS chia sẻ kết quả, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. | |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT 5**

**Bài đọc 2: *“Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

##### 1. Phát triển các năng lực đặc thù

##### *1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ*

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 4.

###### - Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu bối cảnh của câu chuyện, nội dung và ý nghĩa của bài đọc: *ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.*

###### *1.2. Phát triển năng lực văn học*

Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; biết bày tỏ được sự yêu thích đối với những từ ngữ, chi tiết đó.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Chủ động trao đổi, thảo luận với bạn để tìm hiểu nghĩa các từ khó, từ ít dùng; biết cùng các bạn thảo luận nhóm; trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong bài.

- Phát triển *Năng lực tự chủ và tự học*: Chủ động tìm hiểu bài đọc để trả lời đúng các CH đọc hiểu

- Phát triển phẩm chất *chăm chỉ:* Thể hiện ở tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, cố gắng học tập và lao động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5* (tập một); vở ô li hoặc vở bài tập Tiếng Việt 5

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **-** GV chiếu hình minh họa lên tivi, yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời: *Bức tranh vẽ gì?*  **- GV giới thiệu bài: *Bạch Thái Bưởi là ai? Ông có liên quan gì đến chiếc tàu thuỷ trong bài? Để trả lời được câu hỏi đó, chúng ta cùng đọc và tìm hiểu Bài đọc 2*: *“Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi” nhé!*** | - HS quan sát, trả lời: Tranh vẽ một chiếc tàu thuỷ và ông Bạch Thái Bưởi.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**  - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài  - Hiểu bối cảnh của câu chuyện, nội dung và ý nghĩa của bài đọc | |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **\*Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu, giọng đọc phù hợp với diễn biến câu chuyện. GV kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương, ví dụ: hiệu cầm đồ; trắng tay; độc chiếm; diễn thuyết; đồng, hào, xu; thịnh vượng…    - GV tổ chức cho HS chia đoạn và đọc nối tiếp các đoạn theo nhóm.  Bài đọc gồm 3 đoạn: + Đoạn 1: từ đầu đến *... không nản chí. ;* + Đoạn 2: từ *Bạch Thái Bưởi mở công ti...* đến *... Trưng Nhị,... ;* + Đoạn 3: phần còn lại.  - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm 4 (2 HS nối tiếp đọc Đoạn 2)  + GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 4 em đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy; nhấn giọng đúng; giọng đọc phù hợp với nội dung câu văn, đoạn văn và diễn biến câu chuyện.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi sai khi đọc: quẩy, hãng buôn, xưởng sửa chữa tàu, diễn thuyết, …  - GV gọi 1 HS đọc toàn bài  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 4 câu hỏi    - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 2 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi Truyền điện.  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi *Truyền điện*:  + GV sẽ là xung phong truyền điện đầu tiên.  + GV hỏi câu hỏi 1, đại diện 1 HS xung phong trả lời câu hỏi 1.  + Sau khi trả lời đúng câu hỏi 1, HS đó được phép hỏi câu hỏi 2 và gọi HS khác trả lời.  HS trả lời đúng, cả lớp vỗ tay; HS trả lời chưa đúng thì GV sẽ gọi HS khác trả lời  Cứ tiếp tục như vậy cho đến khi trả lời đúng hết 4 câu hỏi:  *1. Những chi tiết về tuổi thơ và tuổi trẻ của Bạch Thái Bưởi cho thấy ông là người như thế nào?*  *2. Lúc mới thành lập, công ti vận tải đường biển của Bạch Thái Bưởi gặp khó khăn gì? Ông đã làm cách nào để vượt qua khó khăn đó?*  *3. Lời kêu gọi “Người ta thì đi tàu ta” và tên các con tàu của Bạch Thái Bưởi nói lên điều gì về ông?*  *4. Theo em, nhờ đâu mà Bạch Thái Bưởi thành công và trở thành “một bậc anh hùng kinh tế”?*    - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. GV chốt câu trả lời của 4 câu hỏi.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em nội dung bài đọc nói lên điều gì?  **- Gọi HS nhắc lại nội dung Bài đọc** | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó:  + *Hiệu cầm đồ*: cửa hàng nhận đồ của người đang cần tiền đem gửi để vay tiền.  *+ Trắng tay*: mất sạch tiền của.  *+ Độc chiếm*: chiếm giữ một mình, không chia sẻ cho ai.  *+ Diễn thuyết*: nói trước công chúng, nhằm tuyên truyền, thuyết phục.  + *Đồng*, *hào*, *xu*: ba đơn vị tiền tệ thời trước.  + *Thịnh vượng*: đang phát triển mạnh, giàu có lên.  - HS cùng GV chia đoạn.  - HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4 (2 HS nối tiếp đọc Đoạn 2).  - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của GV. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc; Thực hành luyện đọc từ khó.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đọc thầm.  - HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  *1. Những chi tiết về tuổi thơ và tuổi trẻ của Bạch Thái Bưởi cho thấy ông là người như thế nào?*  *2. Lúc mới thành lập, công ti vận tải đường biển của Bạch Thái Bưởi gặp khó khăn gì? Ông đã làm cách nào để vượt qua khó khăn đó?*  *3. Lời kêu gọi “Người ta thì đi tàu ta” và tên các con tàu của Bạch Thái Bưởi nói lên điều gì về ông?*  *4. Theo em, nhờ đâu mà Bạch Thái Bưởi thành công và trở thành “một bậc anh hùng kinh tế”?*  - HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 2 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - HS thực hiện trò chơi *Truyền điện*  + Bạch Thái Bưởi rất thông minh, chịu khó (theo mẹ đi gánh hàng rong, làm đủ nghề), có ý chí, nghị lực (có lúc trắng tay, ông vẫn không nản chí).  + Công ti vận tải đường thuỷ của Bạch Thái Bưởi được thành lập vào lúc những con tàu của người Hoa, người Pháp đã độc chiếm các đường sông miền Bắc (việc tìm khách hàng của công ti hết sức khó khăn vì khách hàng đã quen dùng tàu của người Hoa, người Pháp).  + Để vượt qua khó khăn đó, Bạch Thái Bưởi cho người đến các bến tàu diễn thuyết; trên mỗi chiếc tàu, ông dán dòng chữ “Người ta thì đi tàu ta” và treo một cái ống để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ ống tiếp sức cho chủ tàu. Sau này, ông mua lại tàu của chủ tàu người Hoa, người Pháp, thuê kĩ sư giỏi trông nom.  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Bạch Thái Bưởi rất hiểu tâm lí yêu nước của người Việt Nam. / Bạch Thái Bưởi rất yêu nước. / Bạch Thái Bưởi rất thông minh, có cách phát triển kinh tế đúng đắn. / ...*  + HS nói theo suy nghĩ cá nhân. *VD: Nhờ ý chí, nghị lực và lòng quyết tâm. / Nhờ sự thông minh, dũng cảm. / Nhờ định hướng đúng đắn. / Nhờ sự ủng hộ của những người yêu nước muốn phát triển kinh tế của Việt Nam. / ...*  - HS lắng nghe - 2-3 HS trả lời: *Ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.* **-** HS nhắc lại nội dung |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:**  - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp. | |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  - GV hướng dẫn HS đọc diễn đoạn 2, 3 với giọng đọc phù hợp với câu văn, đoạn văn; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.      - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm phần đoạn 2, 3 đã luyện.  - GV nhận xét HS đọc. | *- 3* HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  + *Bạch Thái Bưởi mở công ti vận tải đường thuỷ / vào lúc những con tàu của người Hoa, / người Pháp / đã độc chiếm các đường sông miền Bắc*. *// Ông cho người đến các bến tàu diễn thuyết*. *// Trên mỗi chiếc tàu*, / *ông dán dòng chữ “****Người ta thì đi tàu ta****” / và treo một cái ống / để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ tiền vào ống tiếp sức cho chủ tàu. // Khi bổ ống, / tiền đồng* ***rất nhiều****, / tiền hào, / tiền xu thì* ***vô kể****. // Khách đi tàu của ông* ***ngày một đông****. // Nhiều* ***chủ tàu người Hoa****, /* ***người Pháp*** *phải* ***bán lại tàu*** *cho ông.*  + ***Chỉ trong mười năm****, / Bạch Thái Bưởi đã trở thành “****một bậc anh hùng kinh tế****” / như đánh giá của người cùng thời.*  - HS thi đọc  - HS nhận xét |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | |
| - GV nêu câu hỏi: Em biết được điều gì sau khi học bài đọc “Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi? Em học tập được điều gì ông Bạch Thái Bưởi ?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Dặn dò: GV dặn HS về nhà đọc và xem trước bài Luyện từ và câu: *Từ đa nghĩa* | - Một HS đóng vai phóng viên hỏi, các HS được hỏi trả lời.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 3 TOÁN TĂNG**

**Ôn tập về số thập phân ( tiếp theo).**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đực thù:**

- Biết so sánh số các thập phân và vận dụng một số bài toán có liên quan: tìm STP lớn nhất, nhỏ nhất, sắp xếp các STP theo thứ tự, tìm STN ở giữa 2 STP.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự học, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp và hợp tác với thầy cô và các bạn trong hoạt động nhóm, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ học tập; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Bài tập chiếu cho HS**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**:  - YCHS lấy vd về 2 STP rồi so sánh.  - YCHS nêu cách so sánh 2 số thập phân.  *Chốt : Muốn so sánh 2 STP ta làm như sau :*  *+ So sánh các phần nguyên của 2 số, STP nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.*  *+ Nếu phần nguyên bằng nhau thì ta so sánh phần thập phân bắt đầu từ hàng phần mười...*  **2. Luyện tập: (BP)**  Bài 1: > < = ?  a,9,89... 8,889 b, 14,509....14,51  8,321...8,3210 10,83....8,82 6,057....6,0570 246, 300.... 246,3  - KKHS làm nhanh làm tiếp :  c, 54 C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5404\wps18.jpg .... 54,7  6,92 .... 6 + C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5404\wps19.jpg  - GV nhận xét, đánh giá,  *Chốt : Củng cố cách so sánh 2 số thập phân*  **Bài 2.** Tìm số thập phân lớn nhất, bé nhất trong các số thập phân sau :  12,54; 12,45; 54,12; 4,125; 45,12  - GV nhật xét, chốt kết quả đúng.  - Muốn tìm STP lớn nhất, bé nhất trong các STP ta làm thế nào ?  *Chốt : Muốn tìm STP lớn nhất, bé nhất trong các STP ta phải so sánh các STP.*  **Bài 3**. Từ 3 chữ số 1,3,5 hãy lập tất cả các STP có 3 chữ số khác nhau và phần thập phân có 2 chữ số rồi xếp các số vừa lập được theo thứ tự nhỏ dần.  - GV nhận xét, đánh giá.  - Muốn xếp các STP theo thứ tự ta làm thế nào ?  *Chốt : Muốn xếp các STP theo thứ tự ta phải so sánh các số rồi xếp*.  **Bài 4**. Tìm số tự nhiên x sao cho :  a, 3,25 < x < 5,05  b, 785,6 < x < 787,9  - KKHS làm nhanh làm tiếp phần :  c, x có 2 chữ số giống nhau và  x > 75,98  GV nhận xét, chốt kết quả đúng :  a. x = 4; 5 b. x = 786; 787  c. x = 77; 88 ; 99  *Chốt : Củng cố về so sánh các STP với STN.*  **3. Vận dụng:**  - GV nhận xét giờ học. | - HS cả lớp hát và vận động.  - 2 em lên bảng làm, lớp làm vở nháp. - HS nhận xét.  - Một số HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yc bài tập.  - HS làm bài cá nhân, kiểm tra chéo nhau.  - 3 HS lên chữa bài.  - HSNX và trao đổi giải thích cách làm.  - HS đọc bài, nêu yc.  - HS suy nghĩ làm bài cá nhân.  - 1 HS nêu miệng kết quả.  - HSNX, KKHS giải thích cách làm.  - HSTL.  - HS đọc bài, nêu yc.  - HS trao đổi nhóm đôi làm bài, 1 số nhóm làm bảng nhóm.  - HS dán bảng nhóm.  - HSNX, bổ sung, thống nhất kết quả đúng.  - HSTL.  - HS nêu yc.  - HS làm bài cá nhân.  - 3 HS lên bảng làm 3 phần.  - HSNX, bổ sung.  - HS nêu lại cách so sánh 2 số thập phân. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 4 LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ**

**Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù

**- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.**

2. Năng lực chung

**- Tự chủ và tự học: sưu tầm tư liệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập về nước Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.**

3. Phẩm chất

**- Yêu nước: Tự hào và biết ơn tổ tiên đã có công dụng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.**

**- Trách nhiệm trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hoá, truyền thống của tổ tiên.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  a) Mục tiêu  **- Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài**  **- Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.**  b) Cách thực hiện | |
| **- Trò chơi: Giúp người qua đường**    **- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.** | **- HS lắng nghe GV giới thiệu luật chơi, ghi nhanh đáp án vào bảng con.**  - HS lắng nghe. |
| **B. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**  **\* Đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc**  a) Mục tiêu:  **- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.**  b) Cách thực hiện: | |
| **1. Đời sống kinh tế**  **- GV hướng dẫn HS đọc mục 2 trong SGK trang 27 và làm việc theo nhóm 4, thực hiện các nhiệm vụ học tập:**  **+ Mô tả đời sống kinh tế của nước Văn Lang, Âu Lạc.**  **+ Câu chuyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh phản ánh điều gì?**  **- Khuyến khích HS sáng tạo trong cách thức mô tả (sơ đồ tư duy, tranh ảnh,…)**  **- GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:**  **+ Nông nghiệp: biết trồng lúa nước và các loại rau, củ; biết chăn nuôi, đánh bắt cá.**  **+ Thủ công nghiệp: làm gốm, làm mộc, dệt vải, đúc đồng, rèn sắt,...**  **+ Câu chuyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* phản ảnh sự nỗ lực trong chế ngự lũ lụt để phát triển sản xuất nông nghiệp của người Việt cổ.**  **- GV nêu yêu cầu: Tìm hiểu và chia sẻ với bạn học về truyện *Bánh chưng, bánh giầy; Mai An Tiêm; Truyền trầu cau*.** | - 2 HS đọc to nội dung trước lớp (1 HS đọc phần *Đời sống kinh tế*, 1 HS đọc câu chuyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*), cả lớp đọc thầm SGK.    - Các nhóm làm nhiệm vụ.  **- Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả làm việc nhóm.**  **- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ cùng bạn (nhóm đôi) và trước lớp. |

**2. Đấu tranh bảo vệ đất nước**

|  |  |
| --- | --- |
| **- GV giao nhiệm vụ HS:**  **+ Đọc thông tin và mô tả cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.**  **+ Câu chuyện Thánh Gióng và Sự tích nỏ thần thể hiện điều gì?**  **- GV nhận xét, chốt kiến thức:**  **+ Người Việt đã tiến hành các cuộc kháng chiến chống giặc Ân để bảo vệ nước Văn Lang; kháng chiến chống quân Triệu để bảo vệ nước Âu Lạc.**  **+ Truyền thuyết *Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần* thể hiện tinh thần yêu nước, quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của người Việt từ xa xưa.** | - 3 HS đọc to nội dung trước lớp (1 HS đọc phần *Đấu tranh bảo vệ đất nước*, 1 HS đọc câu chuyện *Thánh Gióng,* 1 HS đọc câu chuyện *Sự tích nỏ thần*), cả lớp đọc thầm.  - HS làm nhiệm vụ theo nhóm 4.  **- Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả làm việc nhóm.**  **- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  - HS lắng nghe. |

**C. THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu:

- HS vận dụng **được kiến thức đã học về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc để trả lời các câu hỏi.**

b) Cách tiến hành:

|  |  |
| --- | --- |
| **- Trò chơi: *Giải ô chữ.***  **- GV phổ biến luật chơi.**    **- Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc.** | - HS chia thành 2 đội. Đội nào giải được ô chữ hàng dọc trước sẽ thắng cuộc. |
| **D. VẬN DỤNG**  a) Mục tiêu:  - HS vận dụng **được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.**  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng khi học tập.  b) Cách tiến hành: | |
| **- GV nêu câu hỏi: V***ì sao thời Âu Lạc có thế mạnh hơn Văn Lang, xây dựng thành Cổ Loa kiên cố và có nhiều vũ khí tốt nhưng lại để mất nước?*  **- GV giới thiệu về cấu trúc thành Cổ Loa.**  **- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành một trong hai nhiệm vụ:**  **+ Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang…**  **+ Đóng vai một thuyết minh viên trong bảo tàng lịch sử, hãy giới thiệu về nước Âu Lạc…**  - Nhận xét tiết học | - HS nêu theo ý hiểu.    - HS quan sát, lắng nghe.  - HS thảo luận lựa chọn nhiệm vụ để về nhà chuẩn bị (nhóm 6).  - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thứ năm ngày 17 tháng 10 năm 2024**

**Chiều Tiết 1 TOÁN 4**

**Héc-ta (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành cho HS biểu tượng về đơn vị đo diện tích héc-ta (tên gọi, kí hiệu).

- HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS quan sát bức tranh cánh đồng dạng hình vuông có cạnh khoảng 100m.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS quan sát và đưa ra dự đoán: Để đo DT của những khu vực có DT rộng lớn, người ta cần có đơn vị đo DT lớn hơn để biểu thị.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Hình thành cho HS biểu tượng về đơn vị đo diện tích héc-ta (tên gọi, kí hiệu).  - HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.  - HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.  **b) Cách thực hiện:** | |
| \* Giới thiệu đơn vị đo DT héc-ta (ha)  - GV giới thiệu để HS lắng nghe: Để đo các khu vực có DT lớn (khu công nghiệp, cánh đồng, …) người ta thường dùng đơn vị đo DT là héc-ta. Kí hiệu: ha. Héc-ta là DT của hình vuông có cạnh 100m.  + Vậy 1ha bằng bao nhiêu m2?  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  - GV yêu cầu HS lấy VD về số đo DT có đơn vị héc-ta rồi đổi ra m2. | - HS lắng nghe và nêu:  + 1ha = 10 000 m2. 10 000 m2 = 1ha.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS lấy VD rồi chia sẻ trước lớp. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (15 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.  - HS đổi được số đo DT, HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS đọc các số đo, viết các số đo ra bảng con.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 2:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm bài vào vở rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  \* Củng cố dặn dò (3 phút)  - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS đọc, viết các số đo:  a, 135ha: một trăm ba mươi lăm héc-ta  ha: một phần tư héc-ta  3,2ha: ba phẩy hai héc-ta  15,28ha: mười lăm phẩy hai mươi tám héc-ta  b, Sáu nghìn bốn trăm ba mươi héc-ta: 6430ha  Mười hai phẩy năm héc-ta: 12,5ha  Một trăm ba mươi lăm phẩy sáu mươi hai héc-ta: 135,62ha  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp đôi:  4ha = 40 000 m2. 80 000 m2 = 8ha.  10ha = 100 000 m2. 600 000 m2 = 60ha.  275ha = 2 750 000 m2. ha = 7 500 m2 .  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT 6**

**Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

Hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa; nhận biết được từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: chủ động thảo luận với bạn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phát triển NL tự chủ và tự học: chủ động tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Phát triển NL sáng tạo: biết vận dụng những điều đã học để xác định từ đa nghĩa, xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

- Phát triển phẩm chất Chăm chỉ: Bồi dưỡng ý thức học tập chăm chỉ, cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| - GV có thể cho HS chơi Trò chơi Tiếp sức: *chọn cặp từ đồng nghĩa* ở phần khởi động.  \*Cách chơi: Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 4 em, xếp thành một hàng dọc cách bảng 3m. Giáo viên chia đôi bảng, mỗi bên bảng viết hoặc dán “Từ đồng nghĩa”. Chuẩn bị cho mỗi đội 8 thẻ từ, mỗi thẻ có sẵn một trong các từ: *ba, lá cây, cha, nhỏ nhắn, lá cờ, mẹ, nhỏ xíu, má*  để ngửa trên bàn.  Lần lượt từng thành viên mỗi đội lên chọn 1 cặp từ đồng nghĩa thì lên bảng dán ở phần bảng đội của mình. Nếu từ đó không phải là cặp từ đồng nghĩa thì để qua 1 bên và về cuối hàng. Bạn tiếp theo sẽ thực hiện giống bạn trước đó. Nhóm nào hoàn thành hết thẻ từ trước, đúng nhiều hơn thì là đội thắng cuộc. GV lưu ý: trong các thẻ từ của mỗi đội sẽ có 1 cặp từ không phải là từ đồng nghĩa.  **- GV giới thiệu bài:** Trong trò chơi vừa rồi, các bạn đã tìm được 3 cặp từ đồng nghĩa: *ba – cha, nhỏ nhắn - nhỏ xíu, mẹ - má*. Và có một cặp từ, cả 2 đội đều không chọn để dán lên bảng, đó là cặp từ *lá cây - lá cờ*. À, cặp từ *lá cây, lá cờ* là từ đa nghĩa. Trong các ngôn ngữ nói chung, trong tiếng Việt nói riêng có rất nhiều từ đa nghĩa. Vậy, từ đa nghĩa là gì? Từ đa nghĩa có đặc điểm gì? Bài học hôm nay sẽ cho các em câu trả lời. | - Học sinh chơi trò chơi *Tiếp sức* theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**  Giúp HS hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa; nhận biết được từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa. | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa (BT 1 – Phần Nhận xét)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập 1. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 1: Tìm nghĩa phù hợp với từ in đậm trong mỗi đoạn thơ, đoạn văn  **- GV hỏi: Từ in đậm là từ nào?**  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 làm vào VBT theo yêu cầu bài 1.**  **-** GV chiếu đề BT 1, mời các nhóm HS báo cáo kết quả (có thể tổ chức báo cáo theo hình thức thi hỏi – đáp giữa các nhóm hoặc thi ghép thẻ / nối đoạn thơ, đoạn văn với nghĩa tương ứng của từ ***chân***).  - GV: Từ *“****chân****”* trong các đoạn thơ, đoạn văn trên là từ đa nghĩa.  **Hoạt động 2: Nhận biết được từ đa nghĩa; Tìm hiểu nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa. (BT 2 – Phần Nhận xét và Phần Bài học)**  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập 2. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 2: Nêu điểm giống nhau, khác nhau giữa ba nghĩa của từ “*chân*” trong BT 1.  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 làm vào VBT theo yêu cầu bài 2.**  **-** GV chiếu đề BT 2, mời đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả.  - GV chiếu, chốt đáp án đúng:  **\* Điểm giống nhau:** “Chân” chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật  **\* Điểm khác nhau:**  a) **Chân** com-pa, **chân** kiềng, **chân** bàn: chỉ bộ phận của vật, có tác dụng đỡ cho bộ phận khác.  b) **Chân** của người: chỉ bộ phận của cơ thể người hoặc động vật; dùng để đi, đứng.  c) **Chân** núi: chỉ bộ phận của vật, có vị trí tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.  - GV giới thiệu: Từ “***chân****”* trong các đoạn thơ, đoạn văn ở BT 1 là từ đa nghĩa. Trong từ *“chân”* này có nghĩa gốc (được dùng ở đoạn thơ b) và nghĩa chuyển (được dùng ở đoạn thơ a, đoạn văn c). Các nghĩa trong từ đa nghĩa “***chân”***có mối liên hệ với nhau: đều chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật.  - GV đặt câu hỏi giúp HS rút ra bài học: *Qua hai bài tập vừa rồi, các em hiểu: từ đa nghĩa là gì?*  - GV nói thêm: Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó chỉ có một nghĩa gốc và một (hay một số) nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ đa nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.  Nghĩa gốc là nghĩa đầu tiên hoặc nghĩa có trước của từ ấy. Nghĩa chuyển là nghĩa biến đổi của từ ấy trên cơ sở nghĩa gốc.  - GV chiếu nội dung Bài học. Cho vài HS nhắc lại.  - GV chiếu lại Bảng điểm giống nhau, khác nhau giữa ba nghĩa của từ “*chân*” rồi yêu cầu HS phân tích để hiểu kĩ hơn về nghĩa gốc, nghĩa chuyển, để thấy mối liên hệ giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển | - HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - HS trả lời: từ “**chân**”  - HS thảo luận nhóm 4, làm VBT  - Các nhóm trình bày câu trả lời trước lớp.  a) **Chân** com-pa (***chân*** *đứng*, ***chân***  *quay*), **chân** kiềng, **chân** bàn - (3) Bộ phận dưới cùng của một số đồ dùng, có tác dụng đỡ cho các bộ  phận khác.  b) **Chân** của người (bàn **chân** của bé, **chân** đi khắp nhà). - (1) Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hoặc động vật, dùng để đi, đứng.  c) **Chân** núi - (2) Phần dưới cùng của một số vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.  - HS nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 2, làm VBT  - Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.  - Nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS trả lời: *Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển có mối liên hệ với nhau*.  - HS lắng nghe, ghi nhớ  - Vài HS nhắc lại phần Bài học  - HS phân tích lại nghĩa gốc, nghĩa chuyển của 3 từ “chân” ở bảng. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:**  - Luyện tập nhận biết được từ đa nghĩa; nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.  - Giúp HS hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa, tìm được nghĩa chuyển của các từ đa nghĩa từ nghĩa gốc của nó. | |
| **Hoạt động 3: Nhận biết được nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa; tìm được nghĩa chuyển của các từ đa nghĩa từ nghĩa gốc của nó. (BT 1, BT 2 – Phần Luyện tập)**  **\*Cách tiến hành:**  ***\*Bài tập 1:***  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 1.    - GV nhắc lại yêu cầu BT 1: *Tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển các từ* ***“mặt”, “xanh”, “chạy”*** *trong các câu dưới đây.*  - GV hướng dẫn HS làm mẫu với từ ***“mặt”*** của câu **1a** để HS hiểu thế nào là nghĩa gốc (nghĩa ban đầu, từ đó sinh ra các nghĩa khác), thế nào là nghĩa chuyển (nghĩa sinh ra từ nghĩa gốc).    *-* GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi làm vào VBT câu **1b, 1c.**  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, chốt:  **b)** + Hoa càng đỏ, lá càng **xanh**. : nghĩa gốc (“xanh” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  + … mái tóc cho thật dài, thật **xanh**. : nghĩa chuyển (“xanh” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - màu xanh)  **c)** + … mấy chiếc thuyền đang **chạy** ra khơi,… : nghĩa chuyển (“chạy” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - hoạt động chạy của người)  + … em **chạy** vội ra phía bờ sông. : nghĩa gốc (“chạy” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  - GV hỏi: Các từ *“mặt”, “xanh”, “chạy*” trong các câu trên là từ gì?  ***\*Bài tập 2:***  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2.    - GV hỏi: Theo yêu cầu BT 2, các từ chỉ bộ phận cơ thể người và động vật thường là loại từ gì?  - GV hướng dẫn HS làm mẫu: tìm một số ví dụ về nghĩa chuyển của từ ***“răng”*** – GV có thể chiếu 1 số hình ảnh *răng cào, răng bừa, bánh răng, …* cho HS xem  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 làm vào PHT (theo kĩ thuật khăn trải bàn) tìm một số ví dụ về nghĩa chuyển của các từ: *cổ, miệng, tay, mắt*  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp theo trò chơi *Xì điện.* Trong lúc chơi,GV có thể vừa nhận xét, vừa hỏi: *Từ đa nghĩa mà em vừa nêu được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?*  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.  + ***Cổ*:** cổ chai, cổ hũ, cổ lọ, cổ bình, cổ tay, cổ chân, cổ áo,…  + ***Miệng*:** miệng chai, miệng bát, miệng chén, miệng giếng, miệng nồi, miệng núi lửa, miệng ăn (chỉ người ăn trong gia đình),…  + ***Tay*:** tay áo, tay lái (bộ phận của cái xe), tay lái (chỉ người lái xe), tay vợt (chỉ người chơi bộ môn thể thao dùng vợt, VD: tay vợt ten nít), tay tre (cành của cây tre), tay mướp / su su / bí (tua bám của cây mướp / su su / bí),…  + ***Mắt*:** mắt kính, mắt của quả na, mắt cây (cục u nổi trên thân cây), mắt bão, mắt thần (của thiết bị điện tử),…  - GV nhận xét, hướng dẫn HS tìm hiểu mối liên hệ giữa các nghĩa trong mỗi từ.  VD: *cổ chai*: một vị trí trên cái chai, có hình dáng giống với cổ của người; *cổ áo*: bộ phận của cái áo, khi mặc sẽ ôm lấy phần cổ của người mặc. | - HS đọc yêu cầu BT 1. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe  - 1 HS trả lời theo yêu cầu của GV câu **1a**:  + Bác đội mũ, khăn trùm gần kín **mặt**,… : nghĩa gốc (“mặt” ở câu này mang nghĩa ban đầu)  + … những miếng vá trên **mặt** đường. : nghĩa chuyển (“mặt” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - mặt người)  - HS thảo luận nhóm đôi làm vào VBT.  - Đại diện HS các nhóm trình bày ý kiến trước lớp  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS trả lời: Các từ *“mặt”, “xanh”, “chạy”* là từ đa nghĩa.  - HS đọc yêu cầu BT 2. Cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Từ đa nghĩa  - HS trả lời: *răng cào, răng bừa, răng lược, răng cưa, bánh răng (của máy móc),…* - HS quan sát  - HS thảo luận nhóm 4 làm vào PHT  - Các nhóm trả lời theo hình thức trò chơi Xì điện  - HS lắng nghe  - HS trả lời theo yêu cầu của GV. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| - GV hỏi: + Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?    + Điều đó giúp em việc gì?      - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS làm bài tốt.  - Dặn dò: Dặn HS về nhà tìm thêm những từ đa nghĩa để chia sẻ trước lớp vào tiết sau. | - HS trả lời: + Nhận biết các từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.  + Hiểu biết đó giúp em hiểu rõ hơn về nội dung của câu văn, bài văn; giúp em lựa chọn từ đúng trong nói và viết. Khi gặp một từ có nhiều nghĩa, em có thể dựa vào ngữ cảnh để xác định ý nghĩa chính xác của từ trong trường hợp cụ thể.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 3 TIẾNG VIỆT TĂNG**

**Luyện tập văn tả người**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết được đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Viết được đoạn văn mạch lạc sử dụng từ ngữ sáng tạo để biểu đạt nội dung giàu hình ảnh,cảm xúc.

- Có ý thức lựa chọn từ, câu khi diễn đạt, thêm yêu quý bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | | |
| **-** Tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép” với các nội dung dưới đây:  + MG1: - Đoạn văn tả ngoại hình của người nằm ở phần nào của bài văn tả người?  + MG2: - Hát một bài hát về bạn bè mà bạn biết.  + MG3: - Phần thân bài của bài văn tả người sẽ tả những gì của người?  + MG4: - Nêu cấu tạo của bài văn tả người.  - GV nhận xét, giới thiệu vào bài. | - Học sinh chơi trò chơi khởi động “Lật mảnh ghép”.  - Phần thân bài.  - HS hát theo yêu cầu.  - Tả ngoại hình. Tả hoạt động, tính cách.  Mở bài: Giới thiệu người được tả.  Thân bài: + Tả ngoại hình.  + Tả hoạt động, tính cách.  Kết bài: Nêu cảm nghĩ về người được tả.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành** | | |
| **Đề bài:** Em hãy viết đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến.  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  + Khi tả ngoại hình, hoạt động, tính cách của người, ta viết như thế nào?  - GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS (nếu HS thắc mắc); khuyến khích HS lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HSđọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có). | - HS đọc, xác định yêu cầu.  - 1 HS đọc, lớp đọc thầm.  - HS trả lời:  + Viết đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải phải phù hợp với trình tự quan sát nên chọn những đặc điểm nổi bật về ngoại hình để tả bạn; theo trật tự trước - sau của các hoạt động nhưng cũng có thể sắp xếp theo ý của mình. Khi viết, cần thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên chọn những đặc điểm nổi bật về hoạt động, tính cách để tả bạn và nhớ dùng từ ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh để miêu tả một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến vào vở ô li.  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. | |
| Vân vốn là người bạn than nhất của em. Năm nay Vân vừa tròn mười tuổi, dáng người nhỏ nhắn, khuôn mặt dễ thương, lúc nào cũng cười. Nước da của Vân trắng trẻo, mịn màng. Cặp mắt hai mí tròn xoe lúc nào cũng sáng long lanh. Các bạn trong lớp thường gọi Vân bằng cái tên nghe thật ngộ nghĩnh: “Cặp mắt biết cười”.  Vân là một người rất hòa đồng, cũng rất hiền lành và chăm chỉ. Bạn luôn luôn là người bạn tốt của mọi người trong lớp và là người học sinh được thầy cô vô cùng tin tưởng. Trong học tập, bạn là người có thành tích học tập tốt nhất lớp em. Mỗi lần có bài kiểm tra hay thi cuối kỳ, bao giờ Vân cũng là người có được những điểm số cao nhất lớp. Thành tích của bạn đã duy trì từ bốn năm nay. Ai ai cũng đều ngưỡng mộ khả năng học tập của bạn. Học tập tốt là thế, những Vân chưa bao giờ tỏ ra kiêu kì hay đỏng đảnh, ích kỷ. Bạn luôn giúp đỡ tất cả các bạn trong lớp, giảng giải cho những bạn chưa hiểu bài. Vì vậy trong mắt thầy cô Vân là một học sinh gương mẫu và tốt bụng.  Không chỉ có thành tích học tốt, Vân còn là một cô bé có chất giọng cao vút như một cô sơn ca nhỏ. Mỗi lần đến dịp lễ hội, lớp chúng em lại được nghe Vân cất lên giọng ca thánh thót của mình, vô cùng say mê. | | |
| **3. Hoạt động vận dụng** | | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn và viết lại đoạn văn theo yêu cầu.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt. | | - HS lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thứ sáu ngày 18 tháng 10 năm 2024**

**Sáng Tiết 1 TOÁN 5**

**Héc-ta (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành cho HS biểu tượng về đơn vị đo diện tích héc-ta (tên gọi, kí hiệu).

- HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS yêu thích, say mê môn Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu.

**2. HS:**

- Bút dạ, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS nhắc lại.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (20 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.  - HS đổi được số đo DT, HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **Bài 3:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 4:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  **Bài 5:**  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp:  a, DT sân vận động Mỹ Đình là:  105 x 68 = 7140 (m2)  Vì 7140m2 < 10 000m2 nên DT SVĐ Mỹ Đình nhỏ hơn 1ha.  b, Đổi 10 000m2 = 1ha  Ta có: 10 000 : 25 = 400  Nên nhiều nhất có 400 xe ô tô con cùng đỗ trong bãi đỗ xe.  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi:  22 200ha = 222 000 000 m2.  DT rừng Cúc Phương khoảng 222 000 000 m2.  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm nháp rồi chia sẻ theo cặp đôi:  a, DT quảng trường Ba Đình là:  100 x 320 = 32 000 (m2)  Bạn Hương nói đúng.  b, Cứ 1m2 có 4 người đứng thì quảng trường chứa được: 32 000 x 4 = 128 000 (người)  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM (10 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức cho HS sau bài học.  - HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế.  - Tạo không khí thoải mái sau giờ học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm DT của một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sân vận động, … và chia sẻ cho bạn cùng biết.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT 7**

**Bài viết 2: Luyện tập tả người (Tả hoạt động, tính cách)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Viết được đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Viết được đoạn văn mạch lạc có một số từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: HS biết giới thiệu bài viết, thể hiện rõ ràng suy nghĩ, tình cảm của bản thân

- Phát triển NL tự chủ và tự học: HS tự giải quyết nhiệm vụ học tập, viết được đoạn văn; sửa lỗi và hoàn thiện đoạn văn.

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS bước đầu biết sử dụng từ ngữ sáng tạo để biểu đạt nội dung.

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ, trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập; PC nhân ái: nhìn nhận những điểm tích cực ở bạn, yêu quý bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập hoặc vở ôli dành cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **-** GV có thể kiểm tra bài cũ bằng trò chơi “Lật mảnh ghép” với các nội dung dưới đây:  +MG1: *- Đoạn văn tả ngoại hình của người nằm ở phần nào của bài văn tả người?*  +MG2: *- Hát một bài hát về bạn bè mà bạn biết.*  +MG3: - *Phần thân bài của bài văn tả người sẽ tả những gì của người?*  **- GV giới thiệu bài:** Ở Bài viết 1, các em đã tập viết đoạn văn tả ngoại hình của người. Hôm nay, các em sẽ tập viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người qua bài: *Luyện tập tả người (tả hoạt động, tính cách)* | - Học sinh chơi trò chơi khởi động “Lật mảnh ghép”.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**  - Biết nhận xét đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người qua BT1.  - Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tả hoạt động, tính cách.  - Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả một cách sinh động, thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả.  **Hoạt động 1: Nhận xét về cách tả hoạt động, tính cách của người trong các đoạn văn (BT1)**  **\*Cách tiến hành:**   |  |  | | --- | --- | | - GV mời 2 HS đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hỏi: Hai đoạn văn vừa đọc tả hoạt động và tính cách của ai?  - GV nêu một số việc chính cần thực hiện:  + Đọc 2 đoạn văn và các CH yêu cầu trong khung Gợi ý.  + Trả lời yêu cầu: nhận xét về cách tả hoạt động, tính cách của bạn Thắng và cô Chấm  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  *+ Cách tả hoạt động, tính cách của nhân vật.*  *+ Tác giả tả những hoạt động nào của nhân vật?*  *+ Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự như thế nào?*  *+ Hoạt động của người được tả thể hiện điều gì về tính cách của nhân vật?*  *+ Tìm những từ ngữ, chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế và chính xác của tác giả.*  *+ Tác giả thể hiện tình cảm đối với nhân vật qua những từ ngữ, chi tiết nào?*      - Gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận  *-* GV nói thêm:  + Nên chọn miêu tả những chi tiết tiêu biểu về hoạt động, tính cách của người được tả.  + Cách sắp xếp các chi tiết thường thấy là theo trật tự trước – sau của các hoạt động (theo thời gian), nhưng người viết có thể sắp xếp theo ý của mình.  + Cần thể hiện tình cảm của bản thân đối với người được tả; nên sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh,... để miêu tả một cách sinh động. | - HS đọc nối tiếp yêu cầu bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Đoạn văn a: Tả bạn Thắng  Đoạn văn b: Tả cô Chấm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi ở BT1.  + a) Tả hoạt động, qua đó nói lên tính cách của nhân vật.  b) Nêu nhận xét về tính cách của nhân vật và minh hoạ cho mỗi nhận xét bằng một hoặc một vài hoạt động.  + a) Tác giả tả các hoạt động: vá lưới, ngóng chờ bạn, ra hiệu với bạn, đu mình xuống nước, lặn biến đi.  b) Tác giả tả các hoạt động: ra đồng, ăn mặc, đi xem phim, khóc.  + a) Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự thời gian  b) Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự từ hoạt động lao động đến cách ăn mặc (chọn trang phục), cách bộc lộ cảm xúc.  + a) Thắng là cậu bé chăm chỉ, nhanh nhẹn, khéo léo (chăm vá lưới, vá rất khéo); bơi lặn giỏi (đu mình xuống nước êm không một tiếng động, lặn biến đi như một con cá).  b) Cô Chấm là người chăm chỉ (không làm thì chân tay cứ bứt rứt; ra đồng từ sớm mồng Hai Tết, dẫu có bắt ở nhà cũng không được).  Cô Chấm là người giản dị (không đua đòi may mặc; mộc mạc như hòn đất).  Cô Chấm rất rắn rỏi nhưng hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương (khóc khi xem những cảnh ngộ trong phim; khóc cả trong giấc mơ)  + a) Một số từ ngữ, chi tiết: Tay cậu bé cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt; nó rón rén, bám tay vào cọc chèo, đu mình xuống nước êm không một tiếng động; nó ngụp một cái, lặn biến đi như một con cá;...  b) Một số từ ngữ, chi tiết: Mùa hè, Chấm mặc một áo cánh nâu; mùa đông hai áo cánh nâu; Chấm mộc mạc như hòn đất; Chấm hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương: những cảnh ngộ trong phim làm Chấm khóc gần suốt buổi; trong giấc mơ, Chấm lại khóc.  + a) Tác giả chọn một số chi tiết tiêu biểu để thể hiện tình cảm của bản thân, dùng từ ngữ phù hợp để thể hiện tình cảm đối với người được tả (thoăn thoắt, thành thạo, êm không một tiếng động, lặn biến đi như một con cá, bọn trẻ vừa ghen vừa phục).  b) Tác giả chọn một số chi tiết tiêu biểu để thể hiện tình cảm của bản thân, dùng từ ngữ phù hợp để thể hiện tình cảm đối với người được tả (hay làm thực sự, không đua đòi; mộc mạc như hòn đất, rắn rỏi, hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương).  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe |   **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:**  - HS viết được đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.  - HS viết được đoạn văn mạch lạc có một số từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc.  **Hoạt động 2: Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến. (BT 2)** | |
| **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2.  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    + Khi tả hoạt động, tính cách của người, ta viết như thế nào?    - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS (nếu HS thắc mắc); khuyến khích HS khá, giỏi lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có) | - HS đọc yêu cầu BT 2  - HS trả lời:  + Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải theo trật tự trước – sau của các hoạt động nhưng cũng có thể sắp xếp theo ý của mình. Khi viết, cần thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên chọn những đặc điểm nổi bật về hoạt động, tính cách để tả bạn và nhớ dùng từ ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh để miêu tả một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến vào phiếu bài tập (hoặc vở ô li).  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn và viết lại đoạn văn theo yêu cầu.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  - Dặn dò: Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Bài đọc 3: *Tục ngữ về ý chí, nghị lực.* | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 3 KHOA HỌC 2**

**Năng lượng và năng lượng chất đốt (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời

sống và sản xuất.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự học: HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin qua sách báo, internet.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS trao đổi, trình bày ý kiến về vai trò của chất đốt.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: HS có ý thức bảo vệ môi trường .

- Phẩm chất chăm chỉ: HS ham tìm hiểu, học hỏi.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. GV:**

- Tranh ảnh, clip sưu tầm thêm về các nguồn năng lượng, về sử dụng năng lượng chất đốt.

**2. HS:**

- Bút dạ, bút màu, giấy A3.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút )**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| **+ Kể tên các** nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, ....  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | + HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| 1. **Khám phá kiến thức mới ( 12 phút )**   **2. Năng lượng chất đốt**  ***Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò một số loại chất đốt***  **a) Mục tiêu**: Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.  **b) Cách tiến hành** | |
| *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu HS quan sát các hình 7 – 10, trang 25 SGK, thảo luận :  + Kể tên chất đốt được sử dụng trong hình.  + Nêu vai trò của chúng  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  – GV yêu cầu một số đại diện nhóm HS trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ; (nếu có).   * GV nhận xét, bổ sung , kết luận về một số chất đốt.   – Tiếp theo, GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Em có biết, trang 25 SGK, có thể giới thiệu thêm hình ảnh, clip về khai thác, sản xuất chất đốt.  *Bước 3. Làm việc nhóm*  − GV cho HS làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi trong mục Thảo luận và Luyện tập, Vận dụng, trang 26 SGK:  1. Than đá được sử dụng vào những việc gì? Ngoài than đá, kể tên một số loại than khác mà em biết.  2. Xăng, dầu được sử dụng vào việc gì?  3. Nêu ích lợi của việc sử dụng khí sinh học.  4. Gia đình và địa phương em thường sử dụng chất đốt vào những việc gì?  *Bước 4. Làm việc cả lớp*  GV yêu cầu một số nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  + Hình 1: Chất đốt là than. Than cháy sinh ra năng lượng làm quay tua bin chạy máy phát điện và sinh ra điện.  + Hình 2: Chất đốt là ga. Ga cháy sinh ra năng lượng nhiệt làm thức ăn chín.  + Hình 3: Chất đốt là củi. Củi cháy sinh ra năng lượng nhiệt làm thức ăn chín.  + Hình 4: Chất đốt là xăng dầu. Xăng dầu bị đốt cháy sinh ra năng lượng làm xe di chuyển được.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS thảo luận theo nhóm   * Than được sử dụng làm chất đốt trong gia đình, ở lò hơi của nhà máy nhiệt điệt, luyện kim, .... * Các loại than khác: than bùn, than củi, than họa tính, than chì, than cốc, than mỏ * Xăng dầu dùng làm chất đốt để chạy máy móc * Khí sinh học là nguôn chất đốt được sử dụng trong đun nấu, tạo ra điện để thắp sáng, ....Sử dụng khí sinh học thay thế các chất đốt truyền thống giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm lượng chất thải, giảm hiệu ứng nhà kính gây biến đổi khí hậu… * HS trả lời * HS chia sẻ trước lớp |
| 1. **Hoạt động thực hành, luyện tập ( 15 phút )**   ***Hoạt động 3: Thực hành tìm hiểu vai trò của chất đốt***  **a) Mục tiêu:**  - Thu thập, xử lí thông tin và trình bày (bằng những hình thức khác nhau) về vai trò của chất đốt.  **b) Cách tiến hành:** | |
| *Bước 1. Làm việc nhóm*  GV yêu cầu nhóm trưởng cùng các bạn trong nhóm:  – Lựa chọn một trong các chủ đề về vai trò của chất đốt.  – Phân công trong nhóm, tiến hành thu thập thông tin, hình ảnh theo chủ đề đã chọn. – Tổng hợp và trình bày kết quả của nhóm.  *Bước 2. Làm việc cả lớp*  − GV cho một số nhóm báo cáo và thảo luận chung cả lớp.  - GV nhận xét, khen ngợi  - Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Chìa khoá, trang 26 SGK. | - HS thảo luận theo nhóm và viết kết quả thảo luận ra giấy A3   * Đại diện nhóm trình bày * HS đọc |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 3 phút )**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - Về nhà hãy chia sẻ với người thân về ích lợi của việc sử dụng chất đốt trong đời sống.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết 4 SINH HOẠT**

**HĐTN: *Chủ đề 2: Hành trình khôn lớn (tháng 10):***

***Nhật ký kiểm soát cảm xúc của em***

**Sinh hoạt lớp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng đặc thù:***

* *Năng lực thích ứng với cuộc sống:* nhận diện được cảm xúc của bản thân.
* *Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:* thực hiện nhận diện khả năng cảm xúc của bản thân và tự đánh giá.

**3. Phẩm chất**

* *Trách nhiệm:* có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong hoạt động nối tiếp và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Phiếu tổng hợp tư liệu, sản phẩm cá nhân,…
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**2. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.
* Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.  - Bầu chọn được ban cán sự lớp cho năm học mới  **b. Cách tiến hành**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 7 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 8.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Nhật kí kiểm soát cảm xúc của em**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Chia sẻ được nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân.  - Học hỏi được những kinh nghiệm kiểm soát cảm xúc của các bạn.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Chia sẻ nhật kí kiểm soát cảm xúc của em***  - GV hướng dẫn HS chia sẻ theo nhóm về nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân theo các gợi ý:  + Tình huống xảy ra.  + Cách ứng xử của em.  + Tự đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân trong các tình huống đó: tốt, trung bình hay chưa tốt.    ***Nhiệm vụ 2. Học hỏi kinh nghiệm và chia sẻ điều cần rèn luyện.***  - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp theo gợi ý:  + Điều em học hỏi được về kinh nghiệm kiểm soát cảm xúc của các bạn.  + Điều em thấy mình cần rèn luyện để có khả năng kiểm soát cảm xúc tốt hơn  - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn tập kiến thức đã học.  + Chuẩn bị trước ***Chủ đề 2 – Tuần 8.*** | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, ghi chú. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

*Ngày .......tháng…. năm 2024*

*Phó hiệu trưởng*

***Nguyễn Thị Hằng***

***NguyễnThịHằng***